

Hồi ký<sup>1</sup> của cựu Mục Sư  
Nguyễn Công Huân  
[1935-2009]

*50 năm hầu việc giữa đồng bào Việt Nam tại  
Quê Hương và Hải Ngoại với tinh thần và  
Thập Tự theo Chúa Jêsus*



*Tập I (1935-1980)*

---

<sup>1</sup> Nguyên văn «To depart and be with Christ which is for better»

## Mục lục

1. Cuộc hành trình qua 10 giai đoạn.....	3
2. Gia phả .....	4
3. Thời thơ bé 1939-1945 (4-11 tuổi).....	5
4. Khởi nghĩa năm 1945 (10 tuổi) .....	9
5. Sau khi chia đôi đất nước năm 1954 (19 tuổi).....	11
6. Cuộc truyền giáo tại Sơn Hòa năm 1958 (23 tuổi).....	12
7. Tiếp nhận Chúa Jêsus năm 1959 (24 tuổi) .....	12
8. Học Trường Kinh Thánh năm 1960 (25 tuổi) .....	13
9. Chức vụ đầu tiên tại Cam Phú năm 1962 (27 tuổi) .....	14
10. Lập gia đình với cô Nguyễn Thị Ngọc Hương năm 1963 (28 tuổi) .....	16
11. Tiếng nổ đầu tiên của Cộng Sản năm 1964 (29 tuổi) .....	16
12. Lụt năm giáp Thìn năm 1964 (29 tuổi) .....	18
13. Tốt nghiệp và chức vụ tại Đồng Hà năm 1965 (30 tuổi) .....	19
14. Tại Hòa Vang năm 1966 (31 tuổi).....	20
15. Bị Cộng Sản Việt Nam bắt năm 1969 (34 tuổi) tại Cẩm Hải, cùng với thầy Nguyễn Tuệ.....	21
16. Tìm đường vượt ngục 1969 (34 tuổi).....	30
17. Vượt ngục về tới Đà Nẵng vào 4.11.1969 (34 tuổi) .....	32
18. Bị bệnh rất nặng 1969 (34 tuổi).....	33
19. Chức vụ tại Hòa Khánh năm 1970-1972 (35-37 tuổi) .....	34
20. Chức vụ tại Tuy Hòa và Phú Yên từ 1972 đến 1975 (37-40 tuổi).....	36
21. Cuộc di tản vào miền Nam 1975 (40 tuổi).....	39
22. Sài Gòn sụp đổ 30 tháng tư 1975 .....	41
23. Miền Nam Việt Nam sau tháng tư năm 1975 .....	42
24. Chính sách đàn áp và cai trị của Cộng Sản Việt Nam .....	46
25. Chính sách vắt chanh bỏ vỏ của Cộng Sản Việt Nam .....	49
26. Đối với các tôn giáo miền Trung Nam .....	50
27. Đối với mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam - đặc biệt là giới vô sản, lao động thì sao? .....	53
28. Vai trò người Mỹ & chính phủ Mỹ với chiến tranh Đông Dương (Việt Nam) .....	57
29. Sinh sống tại Bà Rịa 1975-1979 (40-44 tuổi) .....	60
30. Vượt biên 27/5/1979 từ Vũng Tàu.....	64
31. Vừa mới đến Mã Lai – Miri ngày 1-6-1979 .....	65
32. Định cư tại Thụy Sĩ ngày 10-1-1980 (45 tuổi) .....	69

# 1. Cuộc hành trình qua 10 giai đoạn

**Kuching<sup>2</sup> ngày 12-08-1979**

*Kinh Thánh: I Cô-rinh-tô 15:10; Ga-la-ti 1:15; Thi-thiên 23*



*Figure 1: 10 hành trình, từ thôn Cù Và/Quảng Ngãi đến Mã Lai và Thụy Sĩ*

<sup>2</sup> Trại tỵ nạn thuyền nhân tại Mã lai, Ku Ching là thủ phủ của bang Sarawak, đảo Bornéo  
Trang 3

## 2. Gia phả

Tôi tên là Nguyễn Công Huân tức là Sáu<sup>3</sup>, sinh ngày 12/07/1935 tại thôn Cù Và - xã Sơn Tây – Huyện Sơn Tịnh – Tỉnh Quảng Ngãi. Đây là một cố thôn hẻo lánh của miền Tây Cao Nguyên xứ Quảng.

*Non núi Ấn sông Trà còn đó  
Non sông ấy, đang chờ ai thêu dệt ?*

Ông Cao Tổ là một công thần nhà Nguyễn và từ miền Bắc vào làm quan trấn thủ triều Mạc, người xứ Quảng (dưới thời Nguyễn Hoàng năm 1558), ông cao tôi, khi đại chiến ông kết hôn với một người phụ nữ rất sùng đạo Công Giáo (gốc làng Trà Kiệu – Quảng Nam) , chính bà đã sinh cho ông hai người con trai là Nguyễn Duy Hương và Nguyễn Duy Quyền. Ngoài bà ra ông cao tôi còn có 17 người con trai, gái khác của 4 người vợ sau này.

Ông nội tôi sinh được 3 người con trai và 2 người con gái, tôi có một người chú là Nguyễn Duy Phiên đậu Tú Tài trước thời Ngô Đình Diệm (một khóa), song ông không chịu ra làm quan, chỉ ở nhà dạy học và giúp đỡ người nghèo và thất học. Ông thích nhất là đi nhử chim đất và đi câu cá. Tất cả cô, chú, bác tôi đều chết khi còn trẻ, chỉ có ba tôi, Nguyễn Sơ, là lập gia đình với mẹ tôi là Võ Thị Bầy, một người con gái con ông Võ Đình Ấu là một nhà giáo kiêm nghề thuốc Bắc.

Cha mẹ tôi sinh được 3 người con trai và 2 người con gái (2 người con gái qua đời lúc tuổi xuân). Anh trai tôi là Nguyễn Đức Ấn (tức là Hai xiêm, giờ còn tại quê nhà, anh đã sinh ra được 5 người con gái và 1 người con trai, đã có cháu nội ngoại), anh người thứ 5 là Nguyễn Đình Huân (một giáo sư đã qua đời tại Sài Gòn năm 1990, không có vợ con).

---

<sup>3</sup> vì là con út và là thứ 6 trong gia đình  
Trang 4

Cha mẹ tôi vốn sinh trong gia đình nông gia, dầu vậy có chút ít học thức, nên khi ba tôi qua đời, lúc tôi còn nằm trong bụng mẹ, thì mẹ tôi đã cố gắng chịu nhiều cực khổ, làm việc ngày đêm để nuôi nấng bầy con thơ. Thật đây cũng là công ơn đặc biệt mà tôi không bao giờ quên được, nên tôi đã thề hiến: *«cố gắng làm điều gì có thể làm để an ủi kẻ khốn cùng khác, đó cũng là báo hiếu với mẹ tôi»*.

### **3. Thời thơ bé 1939-1945 (4-11 tuổi)**

Lúc tôi được 4 tuổi, thì mẹ tôi gửi anh em tôi về quê ngoại ở làng Lộc Thọ-Sơn Lộc để học hành và tránh mọi ảnh hưởng do khí hậu độc địa của chốn sơn lâm, cao thẳm. Chúng tôi được bà ngoại thương yêu rất nhiều vì là mồ côi thuở bé. Tỉnh thoảng sau bữa cơm chiều bà thường dạy cho anh em tôi các bài thuộc lòng :

*Công cha như núi Thái Sơn  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra  
Một lòng thờ mẹ kính cha  
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Tỉnh thoảng bà cũng dạy cho chúng tôi những bài thơ để tỏ lòng yêu Tổ Quốc, và chống ngoại xâm (vì tôi có một người cậu chết dưới thời Nguyễn Thân, làm tay sai cho giặc Tây)

*Núi Hồng lành mây tuôn ngược đỉnh  
Sông Nam Giang nước chảy xuôi dòng  
Trách ai đốn núi, ngăn sông  
Trách người đen bạc, trách đời đau thương  
Trách Nam Triều soi gương không tỏ  
Trách Pháp đình không rõ nhân tài*

*Trời ơi! Trời hỡi có hay  
Con tôi đấc tội chi hỡi trời!  
Nước nó mất nó đòi lại nước  
Quyền nó không, nó giật lại quyền*

*Cớ sao xử trí đảo điên  
Bắt người vô tội, bỏ liều lao lung*

*Con hỏi con ai còng ai tội ?  
Ai cứu đời, ai lại hại đời  
Phải chi con hỏi con ơi!  
Vì đâu nên phải chia rời mẹ con  
Mẹ vò võ thương con lắm cảnh  
Đêm năm canh, canh cánh đất lòng  
Thương con gặp buổi long đong  
Quê hương cách biệt mẹ mong con về*

#### **NHỚ THỜI NIÊN THIẾU<sup>4</sup>**

*Trường làng tôi cạnh cầu sông Giang  
Một trường bốn lớp vẽ khàng trang  
Trước trường có cầu tre khập khểnh  
Đưa đón, chiu tôi lúc đi về*

*Thương nhớ quê nhà lúc chiến chinh  
Thương thấy nhớ bạn thời Việt-Minh  
Bốn mươi thu, xa cách, lòng mền tiếc  
Vạn lý, quê người, mượn cánh thư*

*Thăm thầy, kính chúc vạn bình an  
Mong ước ngày mai có hội vàng  
Hội ngộ cùng nhau bên Thiên Ân  
Núi Bút, sông Trà, nói nghiệp tiền nhân  
Cống – Giang - Ân – Trà*

Lúc còn bé thơ tôi học thuộc các bài thơ nhưng khó hiểu thấu ý nghĩa của nó đâu. Về sau dần dần tôi mới hỏi bà, thì bà mới dạy cặn kẽ ý nghĩa các bài thơ, xuất xứ, tác giả của nó. Với trí nhớ sơ đẳng, song bà cũng dạy tôi biết được các vị anh hùng yêu nước quyết chống giặc ngoại

---

<sup>4</sup> Năm 1949-1950. Trường Tiểu Học thôn An Kim – Tịnh Giang, cầu Tre, cầu Vĩ là chiếc cầu nối liền hai thôn Cù Và và thôn An Kim hồi học tiểu học  
Trang 6

xâm và xây dựng an bình cho trăm họ như trong các phong trào Cần Vương.

Tại bậc Tiểu Học, tôi được học trường làng, song với cơ cấu giáo dục bị đầu độc bởi sự cai trị của thực dân Pháp. Học sinh phải chào cờ của người Pháp trước lúc vào học. Có lần tôi hỏi bà tại sao lại như vậy thì bà nói nhỏ:” *đất nước Việt Nam có cờ của người Việt Nam, nhưng người Pháp không muốn người dân Việt khai trí dân tộc mình, họ chỉ muốn làm người Việt ngu dốt và mù quáng để dễ bề cai trị*”, tuy còn nhỏ nhưng tôi rất lấy làm bất bình vì điều này. Rồi lòng tôi tự hỏi :” *phải làm gì? Ai sẽ làm điều cải chính? Có ai sẽ giúp đỡ lúc nguy khốn?* Đến tận bây giờ, trong tâm tư tôi vẫn còn cảm nhận được bao khó khăn của mọi người lúc bấy giờ.

Cứ mỗi năm hè về, chúng tôi phải về quê sinh sống với mẹ già và làm việc để trang trải cho việc học của năm tới. Tôi làm được tất cả các công việc của kẻ bần cố nông (đốn củi, đốt than, làm ruộng, đào ao nuôi cá, làm vườn trồng cây v.v.). Trong các ngày rảnh rỗi thì ôn lại các bài thơ của Trần Khánh Dư:

*Một gánh càn khôn, quảy xuống ngàn  
Hỏi chi bán đó gửi rằng than  
Ít nhiều miễn được đồng tiền tốt  
Hơn thiệt nài bao gốc củi tàn  
Ở với lửa hương cho vẹn kiếp  
Thử xem đá sắt có bền gan  
Nghĩ mình lem luốc toan nghề khác  
Nhưng lẽ trời kia lắm kẻ hàn*

Với chút ít giòng máu của công thần và yêu nước, song tôi không cảm động và ham muốn với các việc làm của kẻ cầm quyền phong kiến, muốn “*ngồi mát mà ăn bát vàng*”, và tìm mọi cách để gieo đau khổ cho kẻ nghèo khác, một xã hội bất công của chế độ thực dân phong kiến. Vì thế tôi muốn được gần gũi và chia sẻ những gánh nặng với kẻ bị áp bức, nghèo túng và bệnh tật, tôi muốn góp phần nhỏ vào việc cứu giúp kẻ bị bất hạnh bởi tôi cũng xuất phát từ môi trường ấy mà ra. Tôi đi ngược

các đường lối của anh em và truyền thống gia đình tôi, tôi biết điều đó là rất khó, và có thể ảnh hưởng đến tương lai của mình, nhưng tôi vẫn luôn mong Trời đất che chở và phù hộ cho mình.

*Trời không che riêng ai, Đất không chở riêng ai!  
Trời không phụ những kẻ có lòng nhân.*

Cũng nhờ vậy mà sau này tôi trở thành một Cơ Đốc Nhân và phục vụ Hội Thánh của Đấng Yêu Thương (Mác 10:45)

## **TÌNH THẦY TRÒ<sup>5</sup>**

*Nhìn bức ảnh tôi như tìm thấy lại  
Ngôi trường tranh, cầu Vĩ, góc sông Giang  
Cậu bé gầy gầy thời thơ ấu  
Nay trưởng thành khỏe mạnh, dáng hiên ngang*

*Dòng đời chảy, quê hương nhiều biến đổi  
Mái trường xưa cũng thay dạng đối hình  
Thầy trò cũ mỗi người mỗi ngã  
Mất hay còn.. Ôi thời buổi chiến tranh*

*Gần nửa thế kỷ tưởng chừng quên lãng  
Bỗng tìm nhau qua bưu thiếp, cánh thư  
Nghĩa tình cũ dù ngàn khơi cách biệt  
Vẫn keo sơn chẳng phai nhạt bao giờ.*

---

<sup>5</sup> Thái-Từ Quảng Ngãi, tặng trò N. C. Huân, thôn Cù Và - xã Tịnh Giang – Tịnh Sơn – T. Quảng Ngãi (năm xưa)  
Trang 8

#### 4. Khởi nghĩa năm 1945 (10 tuổi)

Sau thời gian theo học trường làng được 5 năm (đến năm 1945) một sự thay đổi lớn với quê hương và đặc biệt là các tỉnh chỗ tôi ở (liên khu 5) chính quyền Việt Minh (VM) khởi nghĩa (19-08-1945) chế độ thuộc địa của thực dân Pháp bị sụp đổ tại Đông Dương, tôi phải lìa trường (vì trường đóng cửa) và tạm trở về quê để sinh sống với mẹ già và 2 anh (lúc này anh thứ 2 của tôi đi bộ đội và có gia đình, người thứ 5 cũng tiếp tục theo thiếu sinh quân, vì hầu hết các giới tư đều bị lôi cuốn vào phong trào chống thực dân để giải phóng dân tộc).

Cũng nhờ vào sức mạnh của đồng minh Anh-Pháp-Mỹ đã đánh bại Đức Quốc Xã (Đức-Ý-Nhật) tại Đông Dương và các nước khác (bom nguyên tử của Mỹ đã đổ xuống 2 thành phố của Nhật là Hiroshima và Nawashaki) Việt Minh nhờ đó tận dụng mọi thắng lợi và thành lập chế độ Độc Lập – Dân Chủ do Hồ Chí Minh lãnh đạo, nhà tôi và thôn tôi lại trở thành trung tâm của các lực lượng võ trang, và chính quyền của Bắc & Trung Việt để chống lại việc tái xâm lược của thực dân Pháp, lúc bấy giờ các chú của tôi đều mong muốn, từ bỏ kiểu cách phong kiến để đi theo Cách Mạng và kháng chiến chống Pháp. Nguyễn Công Minh là chú tôi đã làm tới phó chủ tịch tỉnh Quảng Ngãi, về sau do phong trào giảm biên chế nên ông đã nghỉ việc (nếu không ông đã làm việc tại liên khu 5 với ông Nguyễn Chánh, liên khu trưởng).

Lúc đó tôi có ý định về Tourane (Đà Nẵng) để tiếp tục việc học hành, song hoàn cảnh không cho phép, tôi đành chấp nhận cuộc sống khổ cực của quê hương.

Tôi nghĩ về sau thế nào cũng có các cuộc chiến tranh nội địa do ngoại xâm đưa tới. Mà quả thật như vậy, do người Pháp vẫn còn căn cứ ở đảo Lý Sơn và luôn dùng bom đạn máy bay để đánh phá các tỉnh thuộc liên khu 5, đặc biệt là tỉnh Quảng Ngãi (vì ở đây gần đảo Lý Sơn hơn). Tôi đã chứng kiến bao cảnh đói khổ, chết chóc, bom đạn và mất mát từ năm 1940-1950 tại các vùng kháng chiến do Việt Minh kiểm soát. Dầu chiến

tranh, bom đạn, đói khổ, song tôi vẫn cố gắng theo học hết bậc Trung Học tại tỉnh nhà ở An Ba (Tur Nghĩa) và rừng xanh Sơn Tịnh. Tôi cũng dành thời gian tịnh dưỡng mẹ già vì các anh của tôi đã thoát ly và có gia đình riêng.

Tại trường Trung Học, tôi có quen một giáo sư người Huế là Nguyễn Hữu Ngu, ông là người có tinh thần chống Việt Minh và theo Việt Nam Quốc Dân Đảng (VNQDD), ông biết tôi là người không thích Cộng Sản nên có lúc ông đã giải thích cho tôi rõ về đường lối của Cộng Sản và của QDD, ông phân tích cho tôi hiểu về vô thấu và hiểu thấu. Tại tây nam Miền Bắc, đều có nhiều người Cách Mạng và yêu nước khác, họ âm thầm chống lại Cộng Sản và thực dân Pháp. Tiếc thay chẳng bao lâu sau ông bị biên chế rồi bắt giam và chết tại nhà giam của liên khu gần suối Ngõ của miền cao nguyên "rừng thiêng nước độc". Tại làng tôi, và chính điều này đã cho tôi hiểu được những lời nói trước kia của Thầy. Sau thời gian ấy, tôi cũng chứng kiến nhiều cảnh binh cao cấp của Việt Minh bị bắt từ Miền Bắc và giam giữ tại cao nguyên làng tôi (trong số họ có một người đạo Công Giáo).

Thời bấy giờ tại quê tôi Việt Minh có thiết lập một đài phát thanh do Liên khu 5 đảm trách. Với bản tính tò mò tôi hỏi họ mới biết họ đã âm thầm hoạt động với phong trào Công Giáo do cụ Diệm tổ chức để lật đổ bạo quyền Cộng Sản Việt Nam, nên bị tù khổ sai.

Thật ở đâu có bắt bớ, ngục tù là ở đó có đấu tranh và có đổ máu và tất sẽ có kẻ thắng người bại, phong trào ấy cứ âm ỷ, lúc bùng cháy, lúc thì trong âm thầm, cho đến khi phong trào của cụ Diệm về nước lần thứ nhất bị thất bại, và ông ta bị bắt giam tại làng Trà – Sơn Hà. Ông Nguyễn Trãi là người có xe đò tại Đồng Ké, có trách nhiệm đưa rước ông Diệm từ cao nguyên biểu Sa Huỳnh Mỹ Ái để tịnh dưỡng, vì Cộng Sản Việt Nam vẫn coi ông Diệm là người cách mạng có biệt tài, nếu thủ tiêu ông sẽ bị quốc tế lên án.

## 5. Sau khi chia đôi đất nước năm 1954 (19 tuổi)

Sau thời gian 1945-1954, người Pháp có quá nhiều thua thiệt ở Đông Dương, kinh tế của Pháp lâm nguy, Pháp kêu cứu người nước ngoài không được nữa nên đành phải ký hiệp định đình chiến Genève (12-07-1954), chia đôi đất nước, Miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào do Mỹ điều khiển (vì Pháp đã rút lui), cụ Diệm đã được Việt Minh giao trả cho Mỹ và người Mỹ đưa về nước để thiết lập chính quyền Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) dưới sự điều hành của chính quyền Mỹ.

Ông Diệm đối ngoại đã thành công lớn, đối nội ông đã dẹp được Việt Minh và các Đảng phái đối lập như Bình Xuyên, Bản Viễn, Ba Cụt và Việt Nam Quốc Dân Đảng do ông Trương Bội Hoàng làng Phú Hoài - Phú Yên lãnh đạo. Nhưng ông Diệm đã thất bại lớn trong vấn đề tôn giáo và gia đình trị. Chính quyền Đệ I đã bênh vực Công Giáo và đàn áp Phật Giáo. Ngô Đình Diệm đã cho thiết lập Đảng Cần Lao Nhân Vị, là cơ quan luật vụ và luật số 10/59 để triệt hạ và thủ tiêu các Đảng đối lập và các nghĩa sĩ yêu nước mà không theo đạo Công Giáo. Ông Diệm có khôn ngoan trong đối ngoại và đối nội, song ông và gia đình thiếu đức hạnh, mặc dù ông là một tu sĩ Công Giáo (sắp thụ phong Linh Mục), giòng họ nhà Ngô đều là Công Giáo giòng, bào huynh của ông là Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục mới được phong Hồng Y, nên ra lệnh “Công giáo hóa” toàn bộ dân chúng miền Nam Việt Nam. Do lẽ đó đã gây ra cuộc chiến tranh tàn nhẫn giữa Công Giáo và Phật Giáo (vết thương này cứ bộc phát âm ỷ trong mọi con tim người Việt Nam trong cũng như ngoài nước – xin xem quyển “*Việt Nam máu lửa trên quê hương tôi*” của Đỗ Mậu).

Chế độ của ông Ngô Đình Diệm đã ra sức đàn áp và tận diệt các thành phần yêu nước có khả năng chống cộng và chống cả ông ta, vì người ta cho rằng ông là nhà độc tài, Công Giáo trị. Trong thời đó, các Linh Mục Công Giáo có đủ uy quyền về đạo và đời, có lắm vị đã không còn mang tính chất thiêng liêng là tôi tớ của Chúa Cứu Thế nữa, do đó nên các thành phần Phật Giáo miền Trung và Nam đã liên kết lại tìm cách triệt

hạ chế độ Ngô Đình Diệm. Người đứng đầu trên cả nước là Thượng Tọa Thích Tứ Quang nhóm Phật Giáo Ấn Quang, tại Hải ngoại có Thượng Tọa Thích Nhất Hạnh (hiện giờ còn sống tại Vườn Hồng miền nam nước Pháp). Cũng do chiến tranh ý thức hệ về tôn giáo của Cộng Sản Việt Nam đã đứng giữa khai thác và dễ dàng cướp được chính quyền. “Lưỡng mục tương trì, ngư ông đắc lợi”.

## 6. Cuộc truyền giáo tại Sơn Hòa năm 1958 (23 tuổi)

Năm 1958, có phái bộ truyền giáo cụ Gordon Smith và Mục Sư Hoàng Trọng Nhật đến làm công tác xã hội và truyền giáo tại Sơn Hà và Quảng Ngãi. Chính bản thân tôi không thích thực dân phong kiến, kể chế độ Công giáo trị của ông Diệm, mà Cộng Sản thì còn xấu xí và tàn bạo hơn. Tôi quá phân vân giữa tôn giáo và chính trị đã cấu kết với nhau, trong tâm hồn tôi vô cùng khổ sở ở thời gian này. Cuối cùng tôi cùng anh Lê Văn Sóc quyết định đi tìm chân lý trong Chúa Jê-sus qua sách vở và Phúc âm của thầy Huỳnh Thành, là người truyền giáo của Hội Thánh tại quê hương tôi.

## 7. Tiếp nhận Chúa Jê-sus năm 1959 (24 tuổi)



Figure 2: MS Nguyen Cong Huan

Sau đó một thời gian, tôi xin thầy Thành cầu nguyện để tôi tiếp nhận Chúa Jê-sus vào lòng và xin huyết vô tội của Chúa rửa sạch tội ác của tâm hồn tôi và ban cho tôi sự bình an từ nơi Ngài. Tôi cảm biết mình có một tội đáng trách đó là không tin Chúa Jê-sus là Đấng Cứu Thế, mặc dầu về phần nhân đạo tôi không trộm cắp, giết người, cướp của, không nói dối, không cờ bạc, rượu chè và không tà dâm.

Như Chúa phán: “*Sự cứu rỗi của Ngài do ân điển và tình yêu thương cho kẻ biết ăn năn và hoàn cải, chứ không phải bởi việc làm, bởi đức tin nơi Đấng có quyền tha tội (Rôma 1:16). Thật vậy, tôi không hổ thẹn về Phúc Âm đâu, vì là quyền phép của Đức Chúa Trời để cứu mọi kẻ tin.*

Ngày 20-8-1959 là ngày tôi tiếp nhận Chúa. Ngày 8-8-1960 tôi chịu pháp Báp-Têm (Thánh tẩy tại Sơn Trà – Đà Nẵng) do Mục sư Hội trưởng Hoàng Trọng Nhật chủ lễ.

Từ ngày tôi tin nhận Chúa, tôi luôn bị chế độ của ông Diệm bắt bớ, giam cầm và theo dõi, họ hăm dọa nếu không bỏ đạo và theo Công Giáo của họ thì có thể bị tù hoặc hơn, và tài sản của tôi có thể bị phá tan.

Mẹ tôi vì vô tình nói ra lời xúc phạm đến họ mà chẳng bao lâu sau đó đã bị cơ quan công an xã bắt giam tại Đồng Cọ trong 4 tháng, mãi cho đến lúc bà bị mang trọng bệnh không cách nào cứu chữa nổi nên mới được thả về và bà từ trần vào ngày 7-7-1957.

Thật, chế độ bất công của ông Diệm có thể “chụp” cho bất cứ ai cái “mũ” phản động (có nghĩa là chống lại họ) thì sớm muộn cũng bị tù đày. Sau năm 1954, anh hai tôi đã bị bọn mật vụ địa phương bắt giam tra tấn, đánh đập nhiều lần suýt chết do bọn lính và hiến binh. Số phận đau thương xảy đến với gia đình chúng tôi, nào mẫu thân từ trần, người nhà bị tù tội, tôi bị cô lập đủ mọi điều, dầu vậy tôi vẫn kiên nhẫn và chịu thử thách đức tin trên con đường theo Chúa, tôi mất tất cả mọi sự trợ giúp, an ủi của xác thịt và trần thế, song tôi được sự an ủi nơi linh hồn, nhờ đó tôi được Chúa thương xót và sử dụng cho đến ngày hôm nay, qua bao cơn sóng gió chông gai để theo Chúa.

## 8. Học Trường Kinh Thánh năm 1960 (25 tuổi)

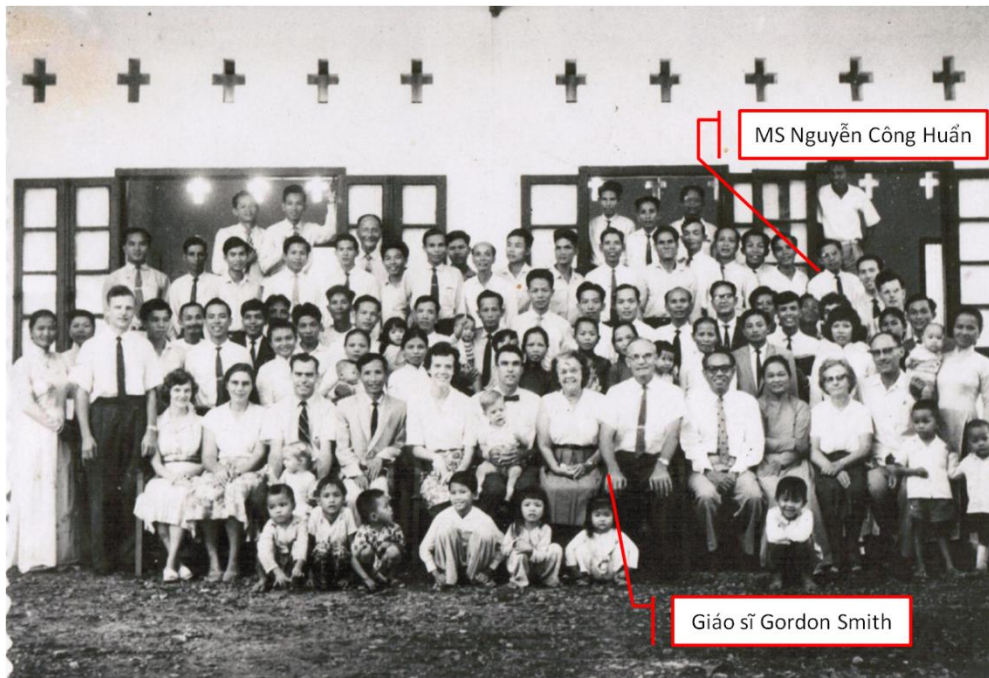


Cảm ơn Chúa từ ái, Ngài đã yêu thương ai thì yêu thương cho đến cuối cùng. Ngày 10-08-1960 tôi được nhà trường Kinh Thánh tại số 1-Lý Thường Kiệt, Đà Nẵng do Giáo Hội Cơ Đốc, kêu gọi tôi đi học lời hằng sống của Chúa.

Tôi quyết định từ giã mọi vấn vương, thù hận, khó

*Figure 3: MS N. C. Huân*  
khăn tại quê nhà và nhờ Chúa dạy dỗ để đi học lời của Ngài.

Sau 2 năm theo học tôi vẫn gặp nhiều thách thức kể cả về mặt thần học lẫn sự chán nản qua lối điều khiển của một tổ chức Cơ Đốc Giáo có vẻ tầm thường, nhiều lúc tôi muốn sang ngang và trở về nghiệp cũ tại quê nhà, để chịu bách hại hoặc tìm cách vào Sài Gòn mà tìm kế sinh nhai.



Nhưng Chúa đã cảnh tỉnh tôi và bắt phục tôi nhiều lần, nhiều cách để bắt tôi đi làm chứng nhân cho Ngài, thì tôi là ai mà dám cãi lại mệnh lệnh ấy. Tôi lắng lòng và kiên nhẫn cầu nguyện xin Chúa tha tội

Figure 4: Trùng Kinh Thánh, Đà Nẵng và xin Chúa sai đi theo ý muốn của Ngài.

## 9. Chức vụ đầu tiên tại Cam Phú năm 1962 (27 tuổi)



### The Ten Dangerous Years

Figure 6: MS Huân, MS Thọ, GS Roy Spraggett

Tháng 7-1962, tôi được giáo hội bổ nhiệm ra Cam Phú, Cam Lộ - Quảng Trị để hầu việc Chúa với sự hiệp tác của thầy cô Phạm Đình Thọ và ông bà Giáo Sĩ Roy Spraggett (người Anh Quốc). Bắt đầu chức vụ với một vùng mà dân chúng quá cứng cỏi và mù tín, cùng một số dân

bộ lạc quá đáng thương, cùng một vùng quá lạnh về mùa đông, thật tôi thấy chán chường và thối chí, song nhờ lời của Chúa mà tôi được biết Chúa Cứu Thế và các tôi tớ Chúa gặp nhiều đau khổ đánh bại và nhục hình hơn tôi, do đó tôi được an ủi và

khích lệ thêm đôi phần trong chức vụ đối với dân tộc của mình đang bị hư mất trong cõi đời đời do ma quỷ cai trị.



*Figure 7: Nhà thờ Cam Lộ*

Thời gian gần một năm hợp tác với các bạn đồng tâm, chúng tôi đã làm chứng và dẫn dắt được một số người đến với Chúa và có thuê được một nơi tương đối tốt để làm cơ sở truyền giáo. Danh của Chúa Jêsus được rao truyền cho người sắc tộc Bru và người kinh tại Cam lộ, Đồng Hà, Quảng Trị, mặc dù có nhiều khó khăn, suýt thất bại, do mọi người tìm cách phá hoại.



*Figure 8: Hết giống đầu tiên*

## 10. Lập gia đình với cô Nguyễn Thị Ngọc Hương năm 1963 (28 tuổi)



Figure 9: Cô Nguyễn Thị Ngọc Hương

Năm 1963 tôi cần phải về tham dự hội đồng Đà Nẵng, là cơ hội vàng để tôi thành lập gia đình, nếu ở độc thân thì khó hầu việc Chúa với người sắc tộc. Chúa đã dự bị cho tôi cô Nguyễn Thị Ngọc Hương từ Di Linh – Lâm Đồng ra Đà Nẵng học y tá, hầu sau này có thể làm việc tại bệnh viện Bài Phong do ông Nguyễn Văn Linh làm giám đốc với bác sĩ Haverson người Anh quốc.

Tôi tìm hiểu cô Hương từ năm 1961 và mãi đến năm 1963 chúng tôi mới quyết định theo ý Chúa và lập gia đình để đi hầu việc Ngài.

Tháng 8/1963 lễ ra hôn lễ đã được tiến hành nhưng phải dời lại 4 tuần theo như dự định, lý do vì ba mẹ và em vợ tôi đi xe đò ra Đà Nẵng để tham dự hôn lễ thì bị tai nạn (em vợ tôi chết), má vợ tôi bị thương nặng phải nằm điều trị gần 1 tháng mới lành. Dầu vậy Thiên Chúa là Đấng yêu thương nên Ngài đã lo liệu mọi sự theo ý thánh của Ngài và chúng tôi đã thành lập gia đình rồi tiếp tục ra Cam Phú để hầu việc Chúa. Hôn lễ của chúng tôi do cụ Mục Sư Hoàng Trọng Nhựt làm chủ tọa năm 1963.

Trong thời gian tại đây, nhờ Chúa tôi và Hội Thánh đã xây cất được nhà thờ bằng gạch ngói và nhà ở bằng ván lợp tranh, nhà của ông bà Spraggett cũng ở sát bên.

## 11. Tiếng nổ đầu tiên của Cộng Sản năm 1964 (29 tuổi)

Công việc đều tạm xong, thanh toán tất cả cho công thợ, cơ sở chưa kịp dâng cho Chúa thì đã bị Việt Cộng lợi dụng người thượng du ban đêm về giật sập nhà của ông bà Giáo Sĩ (27/1/1964). Đây có thể nói là tiếng

nỗ đầu tiên của Cộng Sản đối với cơ sở tôn giáo tại miền bắc của Việt Nam Cộng Hòa .

Cảm ơn Chúa qua cơn thập tử nhất sinh chính Chúa đã giải cứu ông bà Giáo Sĩ và đưa họ về Anh quốc để điều trị cả gia đình gồm 1 gái và ông bà đều được lành bệnh, năm 1972 ông có trở lại Đà Nẵng để thăm tôi, lúc đó tôi cũng từ nhà tù của mật khu Cộng Sản tại Thượng Lào vừa mới về được 2 năm. Sau biến cố khó khăn ấy, chính quyền tỉnh không cho phép chúng tôi ở lại Cam Phú nữa nên chúng tôi phải di cư về Cam Lộ để tái hiệp cùng với thầy cô Thọ hầu việc Chúa, vì số người ở Cam phú cũng phải di cư về Cam Lộ và quật xá.

Trong thời gian cùng hiệp tác với thầy cô Na để chia sẻ lời Chúa cho đồng bào tại Đồng Hà - Quảng Trị và do lệnh thầy Phan Thanh Giảng hầu việc Chúa tại Do linh với hội Tin Lành – CMA<sup>6</sup> ông đã bị Việt Cộng bắt mất tích năm 1963.

Năm tôi về trường tốt nghiệp là năm mà tình hình chính trị Việt Nam vô cùng khó khăn do vụ Phật giáo và Công giáo tranh chấp với nhau, tiếp theo sau đó là sự sụp đổ của toàn bộ chế độ Ngô Đình Diệm, biến cố này rất có lợi cho Cộng Sản Việt Nam để tạo cơ hội cướp chính quyền. Người Phật giáo đã đem tất cả bàn thờ Phật ra ngoài đường từ các tỉnh miền trung đến Đà Nẵng để ngăn cản sự lưu thông của dân chúng và quân đội. Mọi sự kiện này đã làm cho chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ phản đối càng mạnh đối với chế độ Ngô Đình Diệm. Do đó chẳng bao lâu ông bị giết chết và cả nhà họ Ngô đều bị tiêu diệt, chỉ trừ vài người sống sót lúc còn làm công cán ở ngoại quốc.

Bất cứ một quốc gia nào mà tôn giáo và chính trị xu lẫn và cấu kết với nhau thì sớm muộn gì quốc gia đó cũng gây ảnh hưởng đau thương đến cho dân chúng.

---

<sup>6</sup> CMA : Christian Mission Alliance  
Trang 17

## 12. Lụt năm giáp Thìn năm 1964 (29 tuổi)



Năm 1964 tôi về Đà Nẵng để tu nghiệp, con đầu của chúng tôi là Minh Phú đã ra đời tại bệnh viện Đà Nẵng (cơ sở này rất tồi tệ trong thời gian 64-70). Con trai đầu của chúng tôi đã ra đời trong hoàn cảnh hết sức khó khăn cùng với gia đình.

Năm này cũng là năm lụt lớn nhất, có nhiều người chết, nhà cửa bị thiệt hại lớn nhất là các tỉnh miền

Figure 10: Minh Phú

trung. Tại đảo Lý Sơn cũng có Hội Thánh của Chúa do Mục Sư Hút chủ tọa đã viết thư xin giáo hội cứu trợ, vì tại đó vô cùng đói khổ. Tôi và cụ Smith đã đi xin được 3'000 tạ gạo và tôi đích thân đi với tàu của Giáo Hội chở ra và phân phát cho Hội Thánh và dân nghèo (lúc đó Minh Phú chỉ có 1 tháng thôi trường hợp không có máy bay về Đà Nẵng tôi bị kẹt lại gần 3 tuần lễ và đi về bằng ghe mảnh, thật khổ, suýt chết). Sở dĩ tôi đặt tên là Minh Phú vì là để kỷ niệm những ngày tháng hầu việc Chúa tại Cam Phú.

Thời gian tôi và Mục Sư Thọ cùng ông bà Spraggett hầu việc Chúa tại Cam Lộ, Cam Phú và Quảng Trị-Đồng Hà, mặc dù không có nhiều kết quả cho Chúa, vì các sắc dân này vô tín và mù tín cách đặc biệt, dầu vậy Chúa cũng an ủi và chúng tôi đã thành lập được 2 nhà thờ, một phòng sách và có hơn 150 người tín hữu người kinh và 500 người sắc tộc Bru, trong số này cũng có một số người còn đứng vững đến ngày nay qua bao nhiêu cơn loạn ly, chiến tranh, tàn phá, giết chết về đời sống xác thịt của gia đình họ.

Thật là điều cảm ơn Chúa vô ngần vì hiện giờ vẫn còn một số người vẫn còn sống tại Quảng Trị, có số người khác thì vào Long Khánh (gần Sài Gòn). Dù đi đâu và làm gì họ cũng vẫn tiếp tục hầu việc Chúa và làm chứng về Ngài.

### 13. Tốt nghiệp và chức vụ tại Đồng Hà năm 1965 (30 tuổi)

Sau thời gian tốt nghiệp năm 1965, tôi ra Quảng Trị và ở tại Đồng Hà để tiếp tục hầu việc Chúa với số người tỵ nạn di cư từ các vùng cao nguyên xuống, tại đây tôi cũng dành nhiều thời giờ để hiệp tác với thầy cô Nguyễn Văn Na và Cô Yến, cha của cô Yến đã bị Việt Cộng giết bằng cách chôn sống trước khi thất cố, tại Nam Đông vùng cao nguyên tỉnh Thừa-Thiên-Huế, tin này được các anh em tín hữu thượng du kể lại, chẳng bao lâu cô Hiệp phải bỏ Nam Đông để đi tàu về Huế, và giáo hội ở Huế cho cô và các con một chỗ để tạm trú và phục vụ công việc Chúa một cách đơn giản hơn (tại Trung Tâm Thanh Niên Tin Lành Việt Nam, 14-Ngô Quyền-Huế).

Tại Đồng Hà chúng tôi cũng dành nhiều thời gian để giúp đỡ cho đồng bào tỵ nạn Cộng Sản lúc họ đau ốm bệnh tật và phải đưa đến bệnh viện của người Mỹ tại phi trường Đồng Hà, vì tại bệnh viện của người Việt Nam thiếu thốn phương tiện, hơn nữa lại vào thành phố Quảng Trị xa xôi.

Tại Đồng Hà gần 2 năm, tôi có cơ hội đi thăm viếng một số trong vùng Triệu Phong, Đo Tinh và tận cùng các ngã biển, tôi gặp nhiều vị Linh Mục người Bỉ, Pháp thật là khả kính (họ sống cuộc đời rất giản dị như các thừa sai của Chúa Jêsus để phục vụ Hội Thánh ) hơn cả các vị Linh Mục của Việt Nam thời bấy giờ. Giá mà các vị lãnh đạo tinh thần của các tôn giáo có được đời sống mẫu mực và thanh cao như họ để giáo huấn đàn chiên và phục vụ đại chúng thì các cơn đại nạn đã không xảy đến cho dân tộc Việt Nam.

Như ta đã thấy và biết tại Đồng Hà tôi có mở một phòng đọc sách và phân phát Phúc Âm cho đồng bào, thỉnh thoảng tôi vào Trung Tâm Thanh Niên Tin lành ở Huế để thăm, vì lúc này tôi có một người con nuôi là Nguyễn Trung (gốc người Cam Lộ) sống và sinh hoạt tại trung tâm này.

Sau đó Trung về Đà Nẵng cùng gia đình chúng tôi và lập gia đình với Phô là con gái của Mục Sư Đạt, hiện giờ Trung-Phô đang sống tại Long

Khánh và đã có đám cưới cho con gái, đức tin của gia đình Trung-Phô được vững chắc và tiếp tục hầu việc Chúa với Hội Thánh Tin Lành Việt Nam tại đó như Kinh Thánh mà Chúa đã phán : ”*đức tin là sự biết chắc vững vàng những điều mình đang trông mong và bằng có các điều mình chẳng xem thấy*” Hê-bơ-rơ 10.

#### 14. Tại Hòa Vang năm 1966 (31 tuổi)

Vì nhu cầu của Hội Thánh và điều hành của bệnh viện bài trừ Phung-Cao tại Cẩm Hải – Hòa Vang – Quảng Nam nên năm 1966 tôi được chỉ thị của Giáo Hội phải về đó để hầu việc Chúa cùng thầy cô Nguyễn Tuệ.

Thầy cô Nguyễn Tội sẽ ra Cam Lộ - Đồng Hà để thay thế chức vụ của tôi. Tại Cẩm Hải là nơi tôi có nhiều kỷ niệm đau đớn trong chức vụ hầu việc Chúa với hơn 500 bệnh nhân phong lao.

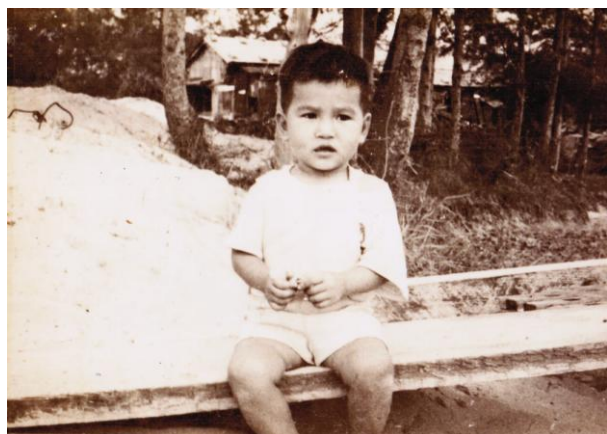


Figure 11: Minh Hà

Bệnh viện được xây cất từ năm 1963 gần bãi biển Cẩm Hải, là nơi có rừng phi lao xinh đẹp, là nơi yên tĩnh cho những số phận đáng thương mà Chúa đã giao phó cho giáo hội sau này, vì thế mà được gọi là “Happy Heaven Leprosium”, “Vườn phước hạnh của người bị phong cùi”. Đến năm 1964-1967 thì cơ sở và địa phận này nằm vào vùng “xôi đậu”, nghĩa là ban ngày thì quốc gia, ban đêm thì Cộng Sản (cháu Minh Hà ra đời tại đây với bao tiếng bom đạn và sự đánh phá của quốc gia, quân đội đồng minh và Việt Cộng).

Trước khi về nhận trọng trách khó khăn này tôi đã nói với gia đình và bạn bè đồng nghiệp là tôi chấp nhận đi vào hang sư tử, và có thể nói đó là cuộc sống của con cháu Thánh Gióp, vì thế nên nhân dịp đi cứu trợ cho đồng bào và Hội Thánh người sắc tộc ở Hà Bắc, Sơn Hà là vùng quê hương tôi, đây là lần cuối tôi được nhìn quê hương của mình với quang cảnh tàn phá của chiến tranh, của thiên nhiên và bão lụt.

Tôi cùng đoàn tùy tùng của máy bay quân sự Mỹ chở thêm 40 tấn áo quần, gạo, thuốc vừa góp được xuống phi trường Hà Bắc bằng máy bay thì tôi gặp lại các anh em tín hữu bà con đã đón chờ tại đó, tôi phải ở lại 3 ngày tại Hội Thánh và thầy cô Đinh Ná để chia sẻ tình người và tình Chúa và tìm cách cứu vớt các cháu tôi còn bị nạn tại Cù Và. Sau đó tôi có về Đà Nẵng và chở thêm 6 em cô nhi để đem vào cô nhi viện Mỹ Khê nuôi dưỡng.

## 15. Bị Cộng Sản Việt Nam bắt năm 1969 (34 tuổi) tại Cẩm Hải, cùng với thầy Nguyễn Tuệ



Figure 12: MS Huân & cô ở giữa, Thầy Tuệ và cô bên phải, người cao nhất

Gia đình anh chị Nguyễn Tài, chuyên lo việc chăm lo và tu sửa cho bệnh viện.

Tôi và gia đình, có Minh Phú và cháu Dũ đi vào Cẩm Hải với thầy cô Nguyễn Tuệ, lúc này có cha mẹ của Mục Sư Dương Đình Nguyên (là ông bà cụ Dương Trọng Vinh) cùng ở đó hầu việc Chúa với tôi, bà Simone Haywood<sup>7</sup> cùng bác sĩ Haverson thì ở

tại chẩn y viện Đà Nẵng để lo tiếp cứu các bệnh nhân tôi đưa ra điều trị. Gia

Nhờ Chúa tôi dự phần chỉnh trang lại vài cơ sở cần thiết. Chẳng may ngày 20-02-1969 lúc 1 giờ tối Việt Cộng đem một số vũ trang đột nhập vào và bắt tôi vô mật khu của họ, sau đó thầy Tuệ thấy nóng lòng nên phiên trách Việt Cộng và bị bắt đem đi luôn.



Figure 13: Bà Simone Haywood ở bên phải

<sup>7</sup> Giáo sĩ y tá người Thụy Sĩ  
Trang 21

Hơn 8 ngày, tôi và thầy Tuệ bị giam giữ tại vùng mà Việt Cộng gọi là giải phóng, thật là đày ải với bao cực hình. Có lúc Việt Cộng đào hầm sâu và chôn tôi xuống để chừa đầu cổ, mắt bị bịt lại và chúng khai thác coi tôi có làm tình báo cho Mỹ không? Nếu không nói là giết. Tôi trả lời:” *nếu tôi là tình báo cho Mỹ thì đại gì tôi lại ở chỗ hiểm nguy cho gia đình tôi như vậy, tôi không làm việc cho Mỹ cũng như chính quyền quốc gia và cũng không làm theo ý của các ông, tôi làm theo ý của thiên Chúa và phục vụ kẻ bệnh tật, nghèo đói*”; thế rồi có hành quân của lính quốc gia đến nên họ dẫn tôi đi nơi khác.

Sau 8 ngày giam giữ, cuối cùng có lệnh của cấp trên nên Việt Cộng giải tôi về luật khu Lào Việt vùng Tây Bắc Quảng Nam. Từ ngày bị giải lên mật khu tôi chấp nhận bao cảnh tàn nhẫn do dân làng vùng Việt Cộng và người thượng du đối xử.

Nhiều lần dân làng cầm dao, gậy ra muốn giết tôi hoặc cho lũ em ném đá vào đầu vào mặt tôi. Có lúc lại trói tôi vào cây cột của gian nhà người thượng du và cho bọn thượng này phóng uế từ trên xuống dưới, mắt tôi bị bịt lại, miệng tôi không nói được tiếng nào với các con thú như chó và heo đến để tìm thức ăn chung quanh tôi.

Dầu vấy lòng tôi được Chúa thăm viếng và ban cho sự bình an trong tình yêu thương của Chúa và các quầng đường mà Ngài đã đi qua từ vườn Ghết-sa-ma-nê cho đến đồi Gô-gô-tha. Giờ đây nghĩ đến các bạn vẫn còn nằm trong vùng xiềng xích lòng tôi lại càng gia tăng sự cầu nguyện cho họ. Xin Chúa dạy dỗ và hoán cải tâm địa của kẻ gian tà bởi tình yêu của Ngài như chính Ngài đã phán lúc bị hành quyết tại đồi Gô-gô-tha, “*Lạy Chúa! Xin Cha tha tội cho họ vì họ không biết mình làm những điều đã làm*”.

Tình yêu và sự cầu nguyện này đã làm cho nền ngục của Cộng Sản Xô Viết tan rã tận gốc rễ và tôi tin chắc cũng sẽ thực hiện trên đất nước Việt Nam của chúng ta.

Trong lúc giải về mật khu, chẳng may thầy Tuệ có ý định trốn thoát nên đã bị Việt Cộng tìm được và bị bắn chết tại tại Nước Giáp Điện Bàn,

Quảng Nam gần một đồn canh gác của Mỹ, để lại cô Tuệ cùng với 4 cháu (2 trai, 2 gái); hiện giờ các cháu đã có gia đình. Cô Tuệ sống với tuổi già tại 1- Lý Thường Kiệt – Đà Nẵng.

Trong thời gian sống gần 4 năm hầu việc Chúa tại bệnh viện Cẩm Hải, có những lần vì yêu thương những người đồng hương và những bệnh nhân xấu số tôi đã chống lại sự bất công và tình nghi sai lầm của lính Mỹ nên bị họ bắt và giải về bộ tư lệnh trung đoàn của họ tại núi Non Nước, trên xe thiết giáp của Mỹ, tôi, thầy Tuệ, vợ tôi và Phú con tôi, lúc đó nhà tôi đang mang thai Minh Hà, tất cả đều ngồi trên thiết giáp của Mỹ như tội nhân và có máy bay trực thăng đi theo. Họ bắt giam chúng tôi hơn 1 ngày đêm để điều tra; cuối cùng tôi đã trình bày cho họ những điều nào đúng điều nào sai và sau đó tôi được cụ Gordon Smith can thiệp và được họ trả về bệnh viện. Lúc tôi về Hội Thánh và bệnh viện thì tất cả đều vui mừng vì họ tôi sẽ bị đi tù lâu hơn, và nếu dọc đường gặp phải mìn thì xe nổ và chúng tôi sẽ chết. Thật cảm ơn Chúa vô cùng.

Qua chặng đường rừng núi bao la và hiểm trở gần 7 ngày, chúng tôi từ đồng nội giải về mật khu Cao Sơn (nên về sau tôi đặt tên cho con trai thứ 3 của tôi tên là Sơn), gần biên giới Việt Lào, tại đây tôi chứng kiến bao cảnh hãi hùng của kiếp tù tội nơi rừng núi thâm u (suốt ngày đêm tăm tối vì không đủ ánh sáng).

Vừa bỏ hành trang của kẻ tù xuống thì tôi phải cùng vài tù nhân khác đi chôn một người bạn của mình, anh bị bệnh thủng do khí hậu độc hại tại đây cùng với thiếu thức ăn và thuốc uống. Tôi có cảm nghĩ đến một lúc nào đó tôi cũng sẽ đón nhận kiếp sống làm mồi cho cây cỏ nơi rừng thiêng nước độc này.

Một câu hỏi bỗng nảy ra trong tâm trí tôi là “*bao giờ sẽ có người khác chôn tôi ?*” Dầu vậy tôi vẫn tin nơi tình yêu của Thượng Đế, Ngài vẫn yêu thương linh hồn tôi, mặc dù thể xác tôi bị coi như rơm rác. Bụi đất sẽ tự về với bụi đất.

Những ai đã từng sống trong cảnh tù đày của Việt Cộng nơi cao nguyên mới hiểu sự đày ải, tra tấn, hành hạ của họ, cảnh đói rét, gông cùm, xiềng xích là bạn thân của kẻ ở tù trước thời Cộng Sản Việt Nam.

Họ sợ tôi trốn thoát vượt ngục nhân lúc tôi có ý định ở Cẩm Hải (đồng nội) nên tôi bị cùm 2 chân suốt trong 2 tháng đầu. Các bạn tù với tôi trước kia còn lại trong tù chỉ còn lại 5 người (trong đó có 1 đứa bé 15 tuổi).



Figure 14: Cô Huân, Minh Phú, Minh Hà

Chúng tôi đói đến nỗi không có thứ gì là không ăn được (kể cả các rắn, các trái cây, kể cả cái xác của con vật đã chết) đó là chưa kể cảnh chết chóc vì bom đạn, máy bay B52 ngày đêm dội phá các mật khu này.

Thật kiếp sống của con người còn hơn cả súc vật, vì các súc vật của Cộng Sản tại mật khu này được ưu đãi hơn những tù nhân như chúng tôi.

Trong thời gian tôi bị tù tội thì vợ và 2 con trai tôi cùng gia đình anh chị hai tôi được Mục Sư Phạm An Vui giúp đỡ về làm việc tại cô nhi viện Mỹ Khê. Con thứ 3 của tôi, lúc tôi bị bắt thì nó đang nằm trong bụng mẹ và lúc tôi về thì nó đã chào đời, tôi đề nghị với vợ đặt tên nó là Sơn để kỷ niệm nơi tôi bị giam giữ, thay vì nhà tôi muốn đặt là Hải để niệm Cẩm Hải.

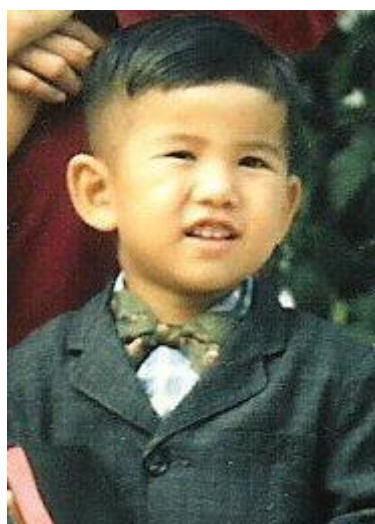


Figure 15: Minh Sơn

Trong các tháng đầu, tôi còn suy nghĩ và nhớ nhung về gia đình, anh em trong Hội Thánh, đặc biệt là 2 con nhỏ dại và vợ, không biết có gì xảy ra lúc tôi bị bắt không?! Tôi còn dành nhiều thời gian để cầu thay cho tất cả.

Song vài tháng sau vì sức khỏe yếu dần vì thiếu ăn, rét lạnh và đau ốm nên tôi không còn sức lực và tâm trí liên tưởng đến gia đình và Hội Thánh; thật

có nhiều lúc suýt chết, tôi không còn đủ sức để đọc bài cầu nguyện chung nữa là khác.

Căn phòng giam giữ chúng tôi lợp bằng lá và bốn bên rào bằng cây sưa sưa vẫn chui lọt, do đó ban đêm thú dữ vẫn thường đến rình rập làm cho anh em chúng tôi phải lo âu sợ hãi.

Những đêm trường lạnh giá của chốn rừng thâm sâu chúng chỉ xin Chúa cho mình được chết đi là đủ rồi.

Tôi còn nhớ lúc bị giam ở Cẩm Hải dưới các hầm bí mật thật nóng bức, chân tay bị trói vào cột, mắt thì bịt lại, miệng thì ngậm khăn ướt cả ngày đêm thì giờ đây tại mật khu Cao nguyên lại bị lạnh lẽo. Tôi nhiều lần xin Chúa cho tôi được chết đi để khỏi thấy những khổ hình, song Chúa đã không trả lời tôi mà ngược lại tai họa càng đến nhiều hơn. Nhiều lúc tôi muốn cắn lưỡi để tự tử, song lại nghĩ nếu tự tử sẽ không được cứu rỗi linh hồn nên lại cầu xin Chúa tha tội cho tôi.

Sau thời gian giam giữ ngục tù, tôi được mở gông cùm và bắt đầu đi hành dịch lao động như cắt lá, đốn cây để làm các căn trại khác cho Việt Cộng, hầu giam giữ thêm các tù binh từ đồng nội giải lên.

Tôi có dịp chứng kiến nhiều đoàn Thanh Niên Xung Phong của Cộng Sản Bắc Việt đưa vào Nam để thi hành nghĩa vụ quân sự trên nón mũ của họ có ghi “sinh Bắc tử Nam”, thỉnh thoảng cũng gặp một vài toán du kích tải các thương binh của họ từ các đồng nội đem về bệnh viện tại các mật khu, cũng có nhiều người phải chết vì giá lạnh và mưa nguồn. Có một lần tôi bắt gặp 2 tên lính Mỹ này phải mang mỗi người 1 thùng mắm bằng thiếc và chân thì không có giày dép.

Thật tội nghiệp cho cuộc đời chiến binh bại trận. Lương thực chính của chúng tôi mỗi ngày là 1 lon bắp khô và phải thay phiên nhau để nấu chín và dùng cho 2 bữa, không mắm muối gì hết; lúc anh em nào đi lao động thì có thì giờ tìm được rau rừng để nấu ăn thêm, song phải có phép trước. Nếu giết được 1 con chuột, con rắn mối, con cào cào, châu chấu

hay là chút trái cây rừng thì là điều vàng ngọc quá đi thôi. Song nếu chẳng may mà phát hiện thì bị gông cùm thêm vài hôm nữa cũng đã đời.

Tôi bị tra tấn với nhiều cực hình nặng nề nên trong người vẫn còn mang nhiều thương đau đáng kể và dấu vết của cuộc đời tù tội bất công.

Sau thời gian 4 tháng cải tạo, tôi được lệnh của cấp trên cho tôi có phần dễ dãi hơn và cho phép tôi xuống vùng biên giới của đồng nội để tải lương thực cho quân đội Việt Cộng, nhờ đó mà sức khỏe của tôi tạm thời được thay đổi. Có nhiều đêm tôi nằm nghĩ và nhớ lại chiến tranh rừng rợn tại Cẩm Hải giữa quân đội Việt Nam, Mỹ và Việt Cộng.

Tôi nhớ có một lần một toán Việt Cộng vào bám sát tận làng để đánh Mỹ nhưng vì họ yếu kém phải thua và bỏ đi nơi khác, do đó quân đội Mỹ cho xe tăng vào càn phá hết nhà cửa của dân làng và bắt tất cả đàn ông, đàn bà lẫn con nít về trại quân của họ để xét hỏi.

Toán Mỹ lấy bao cát bịt vào đầu một số ông già rồi họ tiểu tiện lên đầu các ông lão này, có số khác thì hút thuốc rồi lấy tàu thuốc châm vào ngực và bộ dưới của phụ nữ. Thật các hành động đê tiện này đã làm cho tôi và dân làng càng căm tức đến vai trò của chiến tranh Việt Nam do các siêu cường khởi xướng mà lợi tức các nhà tư bản Mỹ thu được.

Thật chiến tranh bị ồi tại Đông Dương đã tiêu thụ được cái kho vũ khí “cổ lỗ xỉ” của tư bản Mỹ vào thời thế chiến còn lại. Mà hậu quả tàn ác và bị nguyên rủa chỉ đổ xuống trên đầu của các dân tộc lạc hậu, nghèo đói; hơn 50.000 thanh niên Mỹ đã chết cho chiến tranh Việt Nam – Đông Dương, chỉ vì ý đồ tư lợi của tư bản Mỹ đề xướng. Giá mà vì hòa bình, dân chủ, tự do và nếu Việt Nam có nhiều dầu mỏ tốt thì chính phủ Mỹ sẽ không bao giờ rút quân khỏi Đông Dương.

Tôi còn nhớ có một toán lính Đại Hàn đi hành quân vào vùng gần bệnh viện của chúng tôi, rũi thay cho họ bị Việt Cộng bắt giết 2 lính Đại Hàn, thế rồi họ kêu máy bay xe tăng vào đánh phá toàn bộ; cho xe cày đào cái hầm lớn, sau đó tận diệt mọi người còn lại trong khu vực này.

Thật thảm thương thay cho dân làng nghèo và vô tội chỉ sinh ra và biết sống trong đau khổ, đói khát để rồi chấp nhận cái chết oan nghiệt của người ngoại quốc hung bạo, không chút nghĩ suy.

Thật các việc làm vô nhân đạo của một số quân đội đồng minh đã gây tác hại cho cấp lãnh đạo của họ và giá trị của chính nghĩa tự do để rồi Cộng Sản lợi dụng cơ hội này thổi phồng, bêu xấu và gây căm thù trong nhân dân Việt Nam nổi dậy chống Mỹ để dành độc lập.

Mỗi lần tôi xuống đồng nội, tôi được biết thêm về sự lương thiện của dân làng khi họ được Việt Cộng cho biết tôi là Mục Sư Cơ Đốc bị bắt, họ cảm động và tìm cách cho thêm lương thực, mắm muối để đem về trại giam giúp cho các anh em khác, cũng có người cho tôi là gián điệp, tình báo của Mỹ cần phải canh chừng nếu không sẽ tai hại về sau. Thực ra tôi cải tạo cũng không tốt gì hơn các anh em cùng trại, song vì họ quá lâu nên đã gầy ốm gần chết và đi xa không được, còn tôi thì mới lên và còn trẻ tuổi, do đó phải đi tải lương thực để cấp cứu cho họ.

Cám ơn Chúa đã bảo vệ tôi trong mọi bước đường, nếu không thì nhiều lần đã chết do bom đạn, máy bay phục kích của lính Mỹ lúc ở đồng nội. Thi Thiên 2. Mỗi toán “ phạm nhân” xuống đồng nội tải lương thực hoặc đi làm bất cứ công tác gì khỏi trại đều có 2 hoặc 3 Việt Cộng đi theo canh chừng, thậm chí đi vệ sinh cũng như vậy, phải có đội trưởng đi theo canh gác (người đội trưởng của toán phạm nhân là người được tin cậy của trại giam).

Có một lần từ đồng nội về mật khu, tôi chứng kiến một nữ phạm nhân bị chết vì sốt rét trong lúc 2 tay và chân của chị bị trói vào một gốc cây, thân chị gầy ốm và hốc hác, cách xa chị khoảng độ 5 km tôi gặp một toán phạm nhân khác từ một trại tù gần đó. Họ mang võng đòn xuống để tải chị về, nhưng tôi tin cho họ biết rằng : chị đã chết rồi, lý do chỉ vì chị không đi nổi nữa, mà các anh em phạm nhân khác thì có nhiều lương thực trên người nên không ai có thể giúp ai được. Luật của Việt Cộng trong trường hợp này là phải cột kỹ phạm nhân hòng trốn thoát, rồi chờ toán khác tải về. Thì ra tôi mới biết Việt Cộng rất trọng lương thực, đồ dùng hơn là sinh mạng con người như anh em tù phạm như

chúng tôi. Sau đó họ chôn chị gần bên lối đi thường ngày của chúng tôi, mỗi lần xuống đồng nội đi ngang qua mộ phần của chị, chúng tôi nổi da gà và thật vô cùng cảm động.

Sau thời gian đó, chúng tôi không xuống được đồng nội vì chiến trường gia tăng ác liệt do các cuộc hành quân và đội bom của Hoa Kỳ, Việt Cộng bắt chúng tôi đi lao công tận vùng biên giới Việt Lào và vùng đường mòn Hồ Chí Minh, tại đây tôi chứng kiến nhiều chiến xa, binh sĩ và quân đội chính quyền Bắc Việt, cũng có nhiều toán vũ trang với súng đạn nặng nhẹ, họ rất hăng say đi vào Nam để đánh Mỹ và giành độc lập.

Tôi chứng kiến nhiều thương binh Việt Cộng nằm rên rỉ chờ chết tại các trại mà họ gọi bệnh viện quân y, vì thiếu thuốc men và dinh dưỡng, một cuộn băng họ phải thay phiên nhau giặt tại các dòng suối mà phải giặt 5, 6 lần trước khi đi quần lại. Đó là chưa kể các lối sử dụng bếp Hoàng Cầm (nghĩa là nấu một nơi mà đào một đường hầm cho khói bay ra một nơi) để tránh máy bay Mỹ oanh tạc. Tướng Hoàng Cầm của Việt Cộng là người đã nghĩ ra cách nấu này nên được gọi là “bếp Hoàng Cầm”.

Có lần tôi đem muối của Việt Cộng vào một làng thượng để đổi lấy bắp cho trại giam, vì thượng du vùng này rất cần muối (nó quý giống như vàng của người Kinh, sắc dân này hiền lành và chất phác, đời sống của họ có vẻ an bình vì ít chiến tranh). Tất cả những hình ảnh này khiến tôi nhớ đến năm 1962-1963, thời gian mà tôi hầu việc Chúa tại Cam Phú – Cam lộ - Quảng trị, nhớ đến các người bạn đã từng cộng tác mật thiết với tôi để hầu việc Chúa bây giờ sống tại nơi chân trời xa xăm ở Anh Quốc, khiến tôi cảm nhớ lại gia đình không biết giờ này đang ở đâu.

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc  
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.*

Khiến tôi nhớ lại anh Tà Luông, Tà Oi, anh Gian và một số anh em tín hữu người Thượng và người Kinh, giờ đây họ đã trở thành những con chiên không người chăn, cuộc sống của họ chỉ để chờ cuộc tàn sát của những con sư tử đói.

Thật lòng tôi dốc trút về với Thiên Chúa để cầu thay cho họ, ngược lại tôi cũng cảm nghĩ hiện giờ tại quốc ngoại như quốc nội có những người họ âm thầm cầu thay cho tôi tại chốn lao tù này. Khi Phao-lô và Sô-la ở trong tù, thì Hội Thánh nhớ cầu nguyện không thôi.

Có điều làm tôi cảm ơn Chúa không thôi là bất cứ lúc nào ở đâu xa, các cán bộ Việt Cộng cũng đều giới thiệu với đồng bào rằng tôi là Mục Sư và cần phải đề phòng. Dù lời nói của họ là ác ý, song cũng dẫn chứng cho đồng bào biết rằng: chế độ Cộng Sản không tôn trọng tôn giáo, và kẻ thù đối với họ là Cơ Đốc Giáo, cần phải cảnh giác và tiêu diệt.

Tôi biết người Cộng Sản có thể giết được thể xác hàng triệu người tín hữu, song không giết được một linh hồn bé nhỏ của trẻ em đã theo Chúa Jêsus cách chân thành. Thi hào Voltaire người Pháp đã phỉ báng và tìm cách tiêu diệt Cơ Đốc Giáo, nhưng lạ thay khi ông qua đời thời gian ngắn thì căn nhà của ông được người Cơ Đốc Giáo mua làm trụ sở phân phát phúc âm của Cơ Đốc Giáo. Mọi sự kiện đó há phải để cảnh tỉnh những kẻ vô thần biết mà hối cải chăng !?!



Figure 16: Hội Thánh Bản Lệt, Quang Trị (1998)

Những đêm chung sống với những sắc dân Thượng du vùng biên giới Việt Lào này, khiến tôi nhớ đến kỷ niệm 8 năm về trước (1962) tôi đã từng ăn ở và hầu việc Chúa với sắc tộc Bru tại Cam Phú – Cam Lộ - Quảng Trị, tôi nhớ lại lúc đi Khe Sanh thăm viếng gia đình Mục Sư Bùi Tấn Lộc và các anh em vùng Lao Bảo – Bả Phồng với vài Giáo Sĩ ngôn ngữ học đã hy sinh cả cuộc đời để học tiếng Bru, hầu có thể định lời Chúa mà dạy dỗ cho các bộ lạc người sắc tộc vì bản tính của Đức Chúa Trời là yêu thương, Ngài không khoanh tay với bất kỳ hạng người nào.

Xưa kia Chúa Jêsus đã đến tận nghĩa địa để cứu vớt cho La-xa-rô được cải tử hoàn sanh. Trong những ngày Chúa bị chôn Ngài cũng đã đem

phúc âm xuống âm phủ để rao truyền cho kẻ bị cầm tù (II Phi-e-rơ 3:15, 4:1-6).

Tôi thâm nghĩ giá mà Chúa làm phép lạ để cứu dân tộc xấu số này, thì tôi có thể được tự do để làm chứng về Chúa với họ không? Tôi đang mơ ước một ngày thanh bình, để tôi có thể trở về thăm họ và chia sẻ Phúc Âm yêu thương cho họ. Xin cầu thay cho tôi.

## 16. Tìm đường vượt ngục 1969 (34 tuổi)

Tìm người thân tín để tìm đường vượt ngục. Chúng tôi về trại giam thời gian thì quân đội Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa gia tăng hành quân và dội bom, cả trại phải dời đi nơi khác và đi xa hơn. Gần 1 tháng chúng tôi quá đói không có bắp khoai để ăn Việt Cộng phải cho chúng tôi vào rừng để mài khoai và rau rừng để tạm sống. Cơ hội này tôi và anh Nguyễn Xuân có dịp gần gũi và tâm sự với nhau hơn, tôi biết anh là công an Hòa Vang. Sau đó chúng tôi âm thầm chờ ngày xuống đồng nội để cùng nhau vượt tù.

Quả thật như vậy, sau đó một tháng, chiến dịch hành quân của Việt Nam Cộng Hòa giảm thiểu thì chúng tôi được phép xuống đồng nội để tải lương thực.

Chúng tôi được tạm trú tại nhà anh Nguyễn Anh, anh này có một con trai bị bom đạn chết nên anh chị buồn lắm, mấy tháng về trước anh biết tôi là Mục Sư mà không dám nói năng gì vì luôn có cán bộ đi theo; song lần này có cơ may thì anh chị mới tâm sự với tôi có lần chị trốn lên Thượng đức để mua thuốc cho con và thăm mẹ già gần chết, chị nói :” *lúc trước ở Thượng đức gia đình tôi tin Chúa, tôi biết giáo sư và Mục Sư Việt Nam ở đó, song thời gian quá yếu đuối, nhà tôi bỏ Hội Thánh lên vùng thượng này làm ăn, nhưng càng xa Chúa, xa Hội Thánh gia đình tôi càng gặp thử thách nên giờ tôi biết anh là Mục Sư bị bắt lên đây tôi cảm động và ăn năn tội nên tôi muốn giúp anh”*.

Thật nhìn chị, nghe chị nói lòng tôi vừa sợ vừa mừng (tàu mất tôi đã rơi lệ) tôi làm thính, không nói gì thêm và cứ âm thầm chờ xem xuống đồng nội vài lần nữa thế nào? Lần sau tôi xuống thì anh chồng của chị hớt tóc cho tôi và cơ hội cùng anh nói nhỏ anh muốn về đồng nội, anh sợ chính quyền quốc gia bắt giam tù, tôi nói: nếu anh giúp tôi trở về đồng nội thì tôi sẽ che chở và bảo vệ cho gia đình anh. Thế rồi chúng tôi hứa, cầu nguyện với nhau và cầu xin Chúa giúp đỡ cho mình.

Về sau cơ mưu này không thành, Việt Cộng không cho xuống vùng anh ở nữa, và cho đi vào một vùng khác, có lẽ họ đã theo dõi lúc tôi được gia đình anh Cảnh, anh Anh ưu đãi. Tôi và anh Xuân (phạm nhân) được xuống một vùng gần sông Thu Bồn. Lợi dụng cán bộ viên chức ngủ quên (vì đêm tối đó họ được thịt trâu của đồng bào bị chết do bom dội) do quá bỏ và kéo sang chơi bời .Tôi cùng anh Xuân ra sông Thu Bồn để lội bơi về Đại Lộc. Buổi khuya nước sông mùa lụt quá lớn, tôi bơi không giỏi được nên đành phải quay về nhà của đồng bào tức khắc. Còn anh Xuân thì lúc 3g sáng lại tìm một lần nữa ra đi, và anh đã thành công. Lúc anh về Hòa Vang thì có đến nhà của vợ con tôi và báo tin rằng:”*Tôi còn sống, song chưa được tự do, vẫn còn bị theo dõi.*”

Sau vụ anh Xuân vượt nhà giam, cả trại đều bị hành hạ và tôi lại càng bị nặng hơn, bị cùm suốt 5 đêm liền và giảm cắt phần ăn (1/2 lon bắp). Tôi chấp nhận các điều đau khổ này và cầu xin Chúa giải cứu một lần nữa.

Các căn trại gần kề đều bị dội bom, chúng tôi phải xin đào hầm ở dưới chỗ ngủ để khi bom nổ có thể tránh đạn. Sau đó 3 tháng tình hình cũng được tạm ổn, trại cho phép 3 anh em chúng tôi xuống đồng nội để tải thương cho họ và mang lương thực về cho họ, vì ngoài chúng tôi không còn ai nữa để sử dụng vận chuyên.

## 17. Vượt ngục về tới Đà Nẵng vào 4.11.1969 (34 tuổi)

Lâu ngày chúng tôi được đến làng của anh Nguyễn Anh và anh Cảnh, chúng tôi có một thời gian ngắn để thăm nhau và hứa trốn về đồng nội. Nhân một đêm dội bom, pháo kích và hành quân đặc biệt của lính Mỹ, một quả đại bác đã nhắm trúng 2 cán bộ Việt Cộng áp giải chúng tôi từ mật khu xuống đồng nội bị chết ngay trong hầm. Tôi và anh Cảnh may mắn thoát chết chúng tôi thay áo quần của thường dân và ban đêm tôi cùng gia đình anh Cảnh tìm đường thoát thân vào ngõ Gò Nổi – sông Thu Bồn, thật là một sự che chở của Chúa, nếu không chúng tôi đã bị lính Mỹ hành quân giết chết dọc đường từ Cố Gia đến Gò Nổi.

Trước khi chúng tôi chia tay ở bên kia sông Thu Bồn, tôi nói với anh chị Anh cứ vào trại tị nạn và khai với công an cảnh sát ở trại là biết tôi và anh Nguyễn Xuân cảnh sát Hòa Vang thì họ sẽ lập thủ tục điều tra và cho tạm trú cách ưu đãi (mà thật như vậy) còn tôi khi qua sông Thu Bồn thì đợi chờ đi theo toán chặn trâu bò để về Đại An (vì phải qua Cầu Chìm là nơi có quân đội Mỹ kiểm soát sẽ khó khăn về giấy tờ).

Lúc tôi đi theo đoàn chặn bò và vượt qua khỏi cầu Chìm (Đại Lộc) thì tôi lập tức vào nhà thờ Tin Lành nơi có ông bà Mục Sư Huỳnh Ngọc Bích hầu việc Chúa, họ ngạc nhiên vô cùng và tôi tự giới thiệu về mình và xin họ áo quần thay cho tử tế. Tôi ăn vài chén cơm trắng với rau sống và thịt heo luộc (mà gần 11 tháng tù đầy tôi hằng mơ ước).

Sau đó tôi nhờ Mục Sư Bích đưa tôi về Phú Hòa và đi Đà Nẵng để gặp lại giáo hội, gia đình với bao tiếng cười ra nước mắt, vì họ tưởng tôi đã chết do bệnh hoạn hay tù tội (vì lúc còn ở Đà Nẵng tôi hay bị bệnh).

Tôi được về cùng gia đình và giáo hội vào ngày 4-11-1969 tại 1 Lý Thường Kiệt – Đà Nẵng. Tôi may mắn thoát chết về thể xác, song rất buồn thảm về tâm linh, vì bạn đồng tâm chí với tôi là thầy Nguyễn Tuệ

đã từ trần do Việt Cộng bắn chết, tôi nhìn cô Tuệ và các con mà lòng điên cuồng.

## 18. Bị bệnh rất nặng 1969 (34 tuổi)

Ở vùng cao nguyên trại giam thì tâm trí tôi được an tĩnh, lúc về giáo hội thì tâm trí càng thêm giao động và như muốn điên lên. Tôi bị bệnh lại nặng hơn, sau đó Giáo Sĩ Smith liên lạc với Tuyên úy Nelson là thiếu tướng Tuyên úy của hạm đội số 7 ở Thái Bình Dương và tôi được phép ra đó trong thời gian hơn 2 tháng để nằm điều trị (trước khi đi nằm bệnh viện, tôi nhờ Mục Sư Tội liên lạc với anh Xuân và lên trại tị nạn để thăm bảo vệ anh chị Nguyễn Anh và giúp họ, đợi thời gian tôi về sẽ tiếp sức, sau thời gian ở Hòa Khánh, gia đình anh chị Nguyễn Anh đã đến thăm và tôi đã đền ơn đáp nghĩa cho họ một cách xứng đáng, họ về định cư tại Đại Lộc với bà con và Hội Thánh).

Suốt thời gian nằm ở tàu Hospital Ship của hạm đội 7, tôi luôn nghĩ lại các kỷ niệm đau thương của cuộc đời tù tội và tôi luôn dành nhiều thời gian để cầu thay cho những kẻ bị hại ở khắp nơi. Tôi nhớ lại bài hát của bác sĩ Tổng Thượng Tiết (người Trung Hoa) đã hát: *Quyết sống cho Christ, quyết sống thôi!*

*Vì Ngài đã giải cứu linh hồn tôi  
Quyết sống cho Christ, quyết sống thôi!  
Vì Ngài đã giải cứu linh hồn rồi.*

Trong những ngày nằm điều trị tại hạm đội số 7 của Thủy quân lục chiến Mỹ, tôi có dịp thăm viếng và gặp gỡ nhiều thượng khách của quân đội Mỹ do Thiếu tướng Tuyên úy Nelson giới thiệu. Mục Sư Tiến sĩ Billy Graham cũng đã đến thăm anh em binh sĩ và giảng dạy lời Chúa.

Giám đốc hội ngôn ngữ học và cụ Smith đều đến thăm tôi và chiếu phim ảnh về Việt Nam và công việc Chúa của giáo hội. Đồng thời tôi có dịp nói cho họ biết Chúa Cứu Thế đã giải cứu, quan phòng và dẫn dắt tôi trong mọi cửa đường để hầu việc Ngài.

Sau thời gian rời hạm đội, tôi về cộng tác với bệnh viện phong và giúp đỡ cho trung tâm này một thời gian gần 4 tháng để tái thiết lại cơ sở, được di chuyển từ Cẩm Hải về Hòa Vân – Hòa Vân – Quảng Nam, gần đèo Hải Vân và sát bờ biển cảng Đà Nẵng, đây là vùng thắng cảnh tương đối là đẹp. Có gì phước hạnh hơn khi một người được thoát khỏi cảnh ngục tù vì “nhất nhật tại tù như thiên thu tại ngoại”. Do đó tôi suy nghĩ đến mọi người đang bị Satan cầm tù về tâm linh nên tôi quyết định từ chối hầu việc Chúa tại bệnh viện Bài Phong, mặc dù nhiều lần giáo hội và cụ Smith yêu cầu tôi tái tiếp tục chức vụ.

## 19. Chức vụ tại Hòa Khánh năm 1970-1972 (35-37 tuổi)

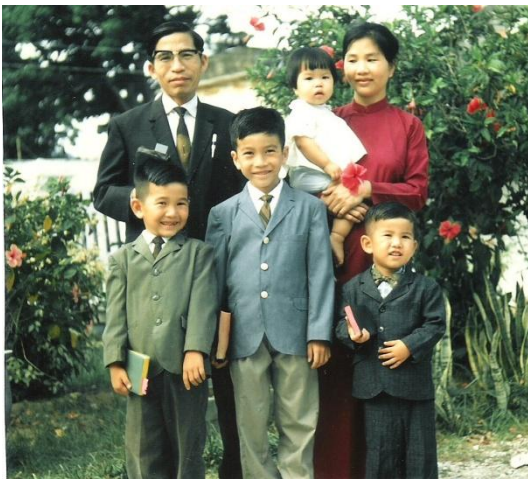


Figure 17: MS Huân & cô. Hà, Phú, Khánh, Sơn (Hòa Khánh)

Năm 1970, tôi làm đơn xin giáo hội đến tại làng Hòa Khánh, Hòa Vang (gần Đà Nẵng) để hầu việc Chúa với ty nạn Cộng Sản tại đây, khu Tiếp Cư 1 và 2. Tôi được Giáo Hội chấp thuận bổ nhiệm.

Lúc ban đầu tôi gặp nhiều khó khăn vì trước đây 1 năm tại Hòa Khánh có nhiều

khăn vì ở khu Tiếp cư có nhiều ổ trộm cướp, có cả lực lượng của các đảng phái lợi dụng làm ăn phi pháp. Dầu vậy tôi đã nhờ Chúa và làm chứng cho một số số anh em tín hữu yếu đuối (gốc Thượng Đức- Quảng Nam) họ được thức tỉnh và hiệp tác với tôi hầu việc Chúa.

trung tâm ty nạn do Công Giáo đảm trách.

Tôi đến sau họ gần 2 năm với bao khó

Sau đó thời gian tôi xin các cơ quan ngoại viện CRS, Bộ xã hội CRS và tổ chức xã hội của giáo hội cùng các Tuyên úy Mỹ đứng gần kề để giúp đỡ tôi hầu việc Chúa và cải biến số người phạm tội này (gần 2'000 người, có 200 tín hữu thờ phượng Chúa mỗi sáng Chúa nhật!). Dần dần Chúa yêu thương tôi thành lập một nhà thờ. Một trung tâm huấn nghệ (dạy các nghề), một nhà trẻ cho các quả phụ có con để đi làm, một lớp học mẫu giáo.

Sau đó vì nhu cầu người tị nạn quá nhiều nên tôi đã đề nghị với Bộ xã hội và chính quyền Q. Nam cùng các cơ quan dân hộ vụ của Mỹ thành lập thêm một trại tị nạn nữa tại Đa Phước gồm (2000 người ). Tại đây tôi thiết lập một trại chăn nuôi, nhà máy cưa gỗ để làm đồ thủ công-nghệ cho đồng bào tỵ nạn. Thật như lời Chúa đã phán:” *tôi làm được mọi chuyện là nhờ Chúa ban thêm sức cho tôi* “ Philip 4:13.

Thời gian các toán du đãng và trộm cướp, cùng các bè phái lợi dụng đồng bào để làm ăn càng ngày càng bị tiêu diệt do ánh sáng của Thiên Chúa và luật pháp công minh của chính quyền tỉnh và huyện Hòa Vang.

Công việc Chúa mỗi ngày lại càng nhiều hơn mà sức khỏe của tôi lại bị giới hạn. Ban trị sự Hội Thánh đã tận tình phục vụ Chúa với tôi, tuy vậy các thương tích của những ngày tù tội tại núi rừng dần dần găm nhấm vào thể xác tôi nên tôi nhiều lần đã bệnh nặng phải đi nằm điều trị tại tàu bệnh viện của người Đức (Hengolan). Ban ngày cập bến Đà Nẵng, ban đêm tàu ra khỏi hải phận Đà Nẵng (vì sợ Việt Cộng pháo kích).

Tại đây qua các lần giải phẫu bao tử và các vết thương của tôi, tôi suýt chết; song Chúa đã thương xót và dùng nhiều bác sĩ người Đức chữa trị cách tận tình nhờ đó tôi được tạm lành và trở về Đà Nẵng để hầu việc Chúa cách đơn giản hơn.

Do sự chỉ định của giáo hội tôi làm Tuyên úy cho các bệnh viện tâm y, trường học, trung tâm nhập ngũ của chính quyền và các trại giam. Thỉnh thoảng cũng giúp phụ Trường Kinh Thánh để chia sẻ niềm tin cùng các sinh viên mới vào học lời Chúa.

Sau thời gian đó, Bộ y tế Hoa Kỳ tại Việt Nam phối hợp với bộ y tế Việt Nam do BS Trần Minh Tùng làm bộ trưởng đã tổ chức chương trình bài trừ bệnh Hansel tại Phú Thọ, ngoại ô Sài Gòn.

Tôi và bà Simone Haywood được mời đến tham dự do TS Hatsen Black trưởng đoàn y tế Mỹ bài trừ phong cùi thuyết trình. Trong dịp này có nhiều bộ trưởng thuộc chính phủ II Cộng Hòa và thủ tướng Khiêm

đến tham dự. Tôi và bà Simone Haywood được chính phủ và cử quan bài trừ phong cùi trao tặng cho đệ nhất huy chương y tế, đây là dịp mà tôi tỏ lòng tâm sự với họ về mọi nỗi bất hạnh của dân tộc Việt Nam qua các cuộc chiến tranh, nghèo đói, bệnh tật của dân tộc xấu số này.

Trong thời gian này, nhiều lần các cơ quan tình báo và xã hội của Mỹ đã đến tìm tôi và yêu cầu hiệp tác với họ để cứu nước và diệt trừ Cộng Sản vô thần, song tôi đã từ chối yêu cầu hiệp tác với họ. Tôi chỉ cầu nguyện cho họ có sáng suốt, có tình yêu thương để xử sự mọi vấn đề.

## 20. Chức vụ tại Tuy Hòa và Phú Yên từ 1972 đến 1975 (37-40 tuổi)



Figure 18: cô nhi viện tại Tuy Hòa. Phía sau Thầy Quang, MS Huân và cô

Thời gian hơn 1 năm tình hình sức khỏe của tôi được vẫn hồi, tôi xin vào Tuy Hòa để hầu việc Chúa với người sắc tộc Hà roi và đồng bào Việt Nam từ các vùng cao nguyên di tản về Phú Yên và Khánh Hòa. Tại Thị xã Tuy Hòa-Phú Yên là nơi **cuối cùng của chức vụ tôi tại Việt Nam.**

Trước đây thời gian có Mục Sư Lê Văn Sóc và Lương Anh Tin vào hầu việc Chúa với đồng bào sắc tộc Hà roi, song vì tình hình chính trị không cho phép, hơn nữa gia đình các Mục Sư này luôn gặp ốm đau và khó khăn nên họ phải dời về Quảng Nam – Đà-Nẵng.

Tôi đến thế họ và tạm thuê một căn nhà ở gần đường Nguyễn Công Trứ (Tuy Hòa) để ở. Tôi xây một phòng đọc sách cho tín ngưỡng, và sau đó tôi lên các quận miền cao nguyên như La Hai, Đồng Xuân, Phú Bổn và Sơn Hòa để hầu việc Chúa với đồng bào ty nạn được tập trung gần quận Ly (trong số các đồng bào sắc tộc) lúc này có vài cô trong Hội Ngôn Ngữ Học của người Đức cũng hiệp tác với tôi để làm chứng về Chúa.

Vì hoàn cảnh chiến tranh do Cộng Sản gây nên, do cha mẹ các em sắc tộc phải chết tiệt, để lại một số trẻ em mồ côi nên tôi thảo luận với chính quyền tỉnh và ty xã hội, ty sắc tộc để thiết lập một cô nhi viện nhỏ cho các em xấu số này.

Lúc đầu tôi gặp nhiều khó khăn về tài chính và chỗ ăn ở, song về nhờ Chúa cảm động nên có nhiều người thương tình và yêu mến Chúa có đến phụ giúp, trong số đó có ông bà Phạm Tây và vài gia đình tín đồ thuộc Hội Thánh Tin Lành Tuy Hòa. Công việc đầu dần dần được Chúa mở đường và ban phước, nên tôi xin được một nhà kho (điều chế) của chính phủ và tu sửa lại làm chỗ ở cho các trẻ em cô nhi (khoảng độ 50 em).

Năm tháng sau tôi xin mở một lớp học may dành cho các thanh thiếu niên ở Hội Thánh. Một năm sau tôi xin mở 4 lớp để dạy học cho các em cô nhi viện và các trẻ em của đồng bào ty nạn ở ngoài Thị xã Tuy Hòa.

Có gia đình thầy cô Thảo- Dung, Tín và Dân (còn thanh niên) các bạn trẻ Sơn Hòa-Phú Bồn cứ mỗi tháng tôi nhờ máy bay Mỹ để đến thăm họ một lần và hầu việc Chúa với nhau, cũng có thầy cô Quang – Khánh ở Đồng Xuân và một vài tín hữu sắc tộc như Y-lách, Y-long phụ trách thông dịch và giúp đỡ các trẻ em bất hạnh.

Hai năm sau cơ sở được Bộ xã hội và sắc tộc hợp thức hóa nên vấn đề tài chính được các tổ chức này trợ giúp. Tôi đang định tìm một địa điểm



Figure 19: Cô Huân làm chứng

khác để thích hợp và rộng rãi hơn, nhưng chẳng may tình hình Việt Nam lúc này đen tối, nên Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa quá tham nhũng và buôn lậu ma túy, như lời ông Trần Văn Hương đã nói:” *tôi có thể bài trừ hết tham nhũng, nhưng hết tham nhũng thì cũng không còn cán bộ để làm việc*”.

Thỉnh thoảng tôi có dịp đi thăm ông bà Mục Sư Phan Minh Ân ở Kontum và gia đình Mục Sư Nguyễn An Vui ở An Khê và các thầy tớ Chúa ở Bình Định.

Tuy Hòa cũng là nơi sinh đẻ của nhà tôi lúc cha mẹ tôi vào đây để làm ăn (Thạch Nghiệp, Phong Niên). Vùng Phú Thứ, Phong Niên cũng là nơi sanh quán của nhà chính lão thành của VNQD Đảng Trương Bội Hoàn, ông có chủ trương bài Ngô và diệt Hồ, ông mất vào năm 1973, tôi và các bạn quen biết có đến dự lễ tang của ông. Dường như ông còn người con là Trương Tử Anh trong lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng tại Hải Ngoại.

Tại Tuy Hòa, Phú Yên làm sao tôi quên được các anh em người sắc tộc, đời sống của họ rất đơn sơ nhưng lại có lòng yêu mến Chúa một cách nhiệt thành, họ giúp tôi nhiều lần tránh khỏi mũi tên và quả kế của Việt Cộng tại địa phương. Tại Tuy Hòa làm sao tôi quên được vài người bạn cũ như Mai Xuân Hậu tỉnh trưởng tỉnh Phú Yên, lúc tôi ở Đà Nẵng thì ông làm quận trưởng Hòa Vang, ông là một người Công Giáo và có đức tin và biết nhờ cậy Chúa trong những lúc gian truân. Những lần gặp khó khăn, ông thường xin tôi cầu nguyện để Chúa dẫn dắt.

Tại Tuy Hòa tôi có một người bạn Mỹ là ông cố vấn Charly Brady, ông rất yêu thương và kính nể gia đình tôi cùng Hội Thánh Chúa, các việc làm cho người sắc tộc ở Phú Bổn và Phú Yên. Xin Chúa ban phước cho họ mặc dù không gặp nhau ở nước đất song gặp nhau tại nước trời.

Chúng tôi cũng thiết lập 1 trung tâm định cư cho người sắc tộc gần 15.000 người tại Ban mê thuộc.

Các tôn giáo miền nam thì tranh giành quyền lợi kinh tế và cũng có một số cố tình đánh bóng chế độ mục nát này, anh em binh sĩ ngoài mặt trận thì buồn chán vì chiến đấu thiếu lý tưởng, trong khi đó các cấp chỉ huy ở địa phương thì tham nhũng và phạm đủ thứ tội. Phần đông dân chúng Việt Nam đang sống trong cảnh tuyệt vọng.

Chính quyền Mỹ thì bị vụ Watergate và dân chúng Mỹ đã chán ngán chiến tranh Việt Nam. Các nhà chính trị gia và các đoàn thể từ thiện cùng tôn giáo Mỹ đều lên án chiến tranh Việt Nam, họ xuống đường biểu tình đòi chấm dứt và cho rút quân về nước. Chiến tranh Việt Nam đã lấy đi hơn 50.000 thanh niên Mỹ mà người dân Việt Nam không cảm ơn ngược lại biểu tình chống Mỹ và đòi đuổi Mỹ về nước.

Tất cả mọi yếu tố này đều đem lại lợi ích cho Cộng Sản Việt Nam để cướp đoạt chính quyền một cách dễ dàng. Cộng Sản Việt Nam không đánh mạnh bằng quân sự mà họ đã thắng Việt Nam Cộng Hòa một cách dễ dàng bằng chính trị và ngoại giao.

## **21. Cuộc di tản vào miền Nam 1975 (40 tuổi)**

Tình hình Cao Nguyên tan rã trước và miền Nam Việt Nam tiếp theo. Chúng tôi đồng một số phận với dân lành phải di tản vào vùng trung tâm Sài Gòn bằng đường thủy với 50 em cô nhi và gia đình. Giá mà trước đây tôi không bị Cộng Sản Việt Nam bắt bớ và hành hạ, coi tôi là đối thủ thì tôi sẽ ở lại với Hội Thánh hầu việc Chúa, được yên ủi hơn.

Vì ra đi cũng chẳng yên ủi gì được phần tâm linh mặc dù thể xác có phần được tự do. Vì tại Tuy Hòa, Phú Yên, Phú Bổn anh em chúng tôi thương nhau và hầu việc Chúa có kết quả, danh Chúa được vinh hiển đối với chính quyền Việt Nam cũng như Mỹ cùng với tôi hầu việc Chúa.

Tình hình chính trị Việt Nam, đặc biệt là miền Trung rất là khó khăn, tôi đến liên lạc với Tòa Đại Sứ Mỹ vùng I tại Nha Trang vào ngày 10-3-1975 để hỏi ý kiến của việc vào Nam. Họ rất đồng ý và bảo tôi nên đi gấp, lúc này tại Long Khánh thường có đánh phá dữ dội vì đó là đường đồng tiến quân của Việt Cộng. Tôi di tản các em cô nhi vào Nha Trang bằng xe hơi rồi vào Cam Ranh đi lẩn vào Phan Thiết, tôi thuê một ghe lớn để chở các em. Tôi ghé hội ngôn ngữ học nhờ giúp đỡ thì họ cũng bó tay, lệnh di tản ra hạm đội chỉ dành cho người Mỹ mà thôi. Chúng tôi di tản bằng đường biển vào Vũng Tàu được bình an.

Trên con đường di tản, có rất nhiều người chết vì đói, vì bom đạn, đặc biệt là Kontum di tản xuống Phú Yên. Đâu đâu cũng thấy trộm cướp giết hại lẫn nhau, người dân Việt Nam lúc này họ sợ quân đội Quốc gia đặc biệt là lực lượng biệt kích hơn là sợ quân đội Việt Cộng.

Nhiều đảng cướp lợi dụng quân phục của quân đội để đi cướp giết dân lành. Tôi đã chứng kiến cảnh giết người, cướp của và sự sợ hãi đầu hàng của quân đội Việt Nam Cộng Hòa . Đối với lực lượng vũ tranh của Việt Cộng, vì lúc này quân đội chính quy chưa tiến vào các thành phố lớn, họ còn sợ Mỹ phản pháo dội bom và giết chết tàn khốc như tết Mậu Thân mà Việt Cộng đã gặp phải.

Tướng Dương Văn Minh ra nhật lệnh kêu gọi binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa buông súng đầu hàng quá sớm làm cho tình hình ở Sài Gòn và Vũng tàu gặp nhiều khó khăn.

Lúc tôi di tản các cô nhi sắc tộc vào Sài Gòn thì cố vấn Usaid Mỹ tại Sài Gòn đã nhận lời cố vấn vùng II chiến thuật, chịu trách nhiệm di tản các cô nhi và gia đình chúng tôi ra hạm đội để chờ lệnh của chính phủ Mỹ. Hai đại tá người Mỹ chịu trách nhiệm về chúng tôi, họ đưa chúng tôi vào Biên Hòa gần sân bay nhỏ, rồi vào Đệ nhất khách sạn Sài Gòn (gần khách sạn Tân Sơn Nhất) để chờ lệnh di tản.

Lúc đó giữa chính phủ Việt Nam và chính phủ Mỹ không đồng ý cho trẻ em Việt Nam ra ngoại quốc, chỉ trừ các em con lai mà thôi, nên họ làm khó chúng tôi đủ điều; cuối cùng Việt Cộng pháo kích quá mạnh vào phi trường thì không còn máy bay nào của Mỹ có thể cất cánh được.

Trước khi 2 đại tá Mỹ rời Việt Nam bằng trực thăng của Tòa đại sứ, thì họ hỏi tôi:” *bây giờ gia đình ông có chấp nhận đi không? Phải bỏ các em cô nhi lại vì không có đủ chỗ trên trực thăng, chỉ còn có 6 chỗ mà thôi.*”. Tôi nhất quyết trả lời với họ là không, nếu đi được thì tất cả bằng không chúng tôi sẽ ở lại.

Thế rồi họ viết cho tôi một lá thư và giới thiệu đến phái bộ của Lãnh sự quán Pháp để nhờ cấp cứu lúc cần (vì người Pháp ở lại Việt Nam rất

nhieu). Tôi đến đó thì nhận được một điện tín của một cơ quan xã hội Mỹ ở Manila là sẽ có máy bay ở đây và sẵn sàng đến Tân Sơn Nhất để di tản chúng tôi nếu tình hình pháo kích giảm bớt.

Rủi thay lúc này tôi bị đau một con mắt và Phú con tôi bị sốt tề liệt suýt chết nên tôi không còn nghĩ gì về việc di tản nữa, hơn nữa luôn chạy ngược xuôi, tôi và một số lính của sắc tộc giúp tôi đi lại, họ đã làm mất tất cả giấy tờ và tiền bạc trong một xách của tôi, tôi biết ý Chúa không muốn tôi di tản nữa, cố gắng sẽ nguy hiểm toàn bộ.

Tôi trở về bộ sắc tộc để xin một ít gạo, hầu cho các em có thể sinh sống được thời gian. Tôi gặp ông Bộ Trưởng vẫn còn tại bộ và không có phương tiện di tản.

Quân đội Bắc Việt đã tấn công vào Tân Phú và Bến Lức- Lái Thiêu. Thành phố Sài Gòn bị quân đội Việt Nam Cộng Hòa dội bom do 2 thiếu úy bất mãn và phản bội.

Tôi trở lại nhà thờ Trần Cao Vân thấy có nhiều vị Mục Sư và tín hữu ngồi đợi ông Giáo Sĩ Thomas và sẽ có máy bay của Mỹ để di tản. Tôi giận dữ và nói với họ :”*tất cả đều dối trá và phản bội, phải giải tán và tìm đường thoát thân nếu không Việt Cộng sẽ đến bắt giết hết tất cả, tôi đã thấy Việt Cộng tấn công vào Tân Phú rồi và về báo tin các ông đây*”. Thế rồi mỗi người tìm kế, tương kế tựu kế rồi phân ai nấy bước đường ai nấy đi.

## 22. Sài Gòn sập đổ 30 tháng tư 1975



Figure 20: TP Sài Gòn dưới thời Cộng Hòa trước năm 1975

Tôi trở về cô nhi viện đường Tô Hiến Thành ở một thời gian, rồi vào trường học của hội Cơ Đốc Phục Lâm sau đó, quân đội bệnh viện tiến chiếm toàn bộ Sài Gòn. Ban quân quản được thành lập do tướng Trần Văn Trà, ông nói :” *dân chúng Việt Nam được đổi đời, thật đổi*

*đời kiêu Việt Cộng”.*

Rồi từ từ có lệnh thành lập chính quyền tỉnh, quận, khóm tỉnh thể Sài Gòn tạm ổn định, tôi cho các em cô nhi hồi cư về Phú Bổn, Phú Yên và Quảng Ngãi, Pleyku.

### **23. Miền Nam Việt Nam sau tháng tư năm 1975**

Tháng tư đen, xin cúi đầu nhìn xuống.

*“Nếu Đức Chúa Trời không cất nhà thì người thợ xây cất uổng công, nhọc bắng Đức Chúa Trời không coi giữ thành, thì người canh thức canh luống công. Thi Thiên 127:1-2 “*

Lịch sử của dân tộc Việt Nam hậu thế kỷ XX gần giống như lịch sử của dân tộc Do Thái vào thời trước Chúa Giáng Sinh độ 600 năm, Đức Chúa Trời đã ngoảnh mặt làm ngơ khi dân Do Thái phạm các tội trọng và không tôn kính Ngài. Các cường quốc như Babylon đã đem đại binh đi đánh phá và tiêu diệt thành thánh. Các thầy tế lễ tiên tri và nhà vua phải bị bắt làm phu tù tại ngoại bang, mãi cho đến thời kỳ các dân ngoại được chọn.

Thượng Đế muốn giải cứu và giúp đỡ cho họ được hồi hương để tái thiết xứ sở. Dân tộc Việt Nam cũng nếm trải bài học lịch sử đích đáng này vì chúng ta không yêu mến và kính sợ Đức Chúa Trời một cách chân thật. Vua quan và các thứ dân đã phạm đủ mọi thứ tội nên Đức Chúa Trời đã phó chúng ta vào tay kẻ ác để bị sửa phạt.

Theo ý của tôi mọi sự đau đớn, bất hạnh đã xảy đến cho dân tộc Việt Nam, đều qui trách vào các hồng giáo phẩm của các tôn giáo lớn. Họ đã không đủ tính chất thiêng liêng để lãnh đạo giáo dân, và cảnh tỉnh các cấp lãnh đạo của chính quyền. Ngược lại có một số đã cố đánh bóng cho mọi chế độ, để mưu cầu đôi chút lợi lộc cho tôn giáo của mình. Do đó tội lỗi và Anti-Christ đã coi thường Hội Thánh của Thiên Chúa rồi trở

nên kiêu ngạo, lộng hành và vô tình hay cố ý đã đến sự đổ vỡ hoàn toàn cho dân tộc.

Dù sao sự thất bại của năm 1975 cũng là bài học đích đáng cho dân chúng Việt Nam và cho các vị lãnh đạo tôn giáo, thấy rõ sự yếu đuối và chủ hòa của mình để rồi gần 18 năm qua phải ngậm trong miệng bao trái bồ hòn thật cay đắng.

*“Khóc thì khổ người mà cười thì ra nước mắt”*

Khi hiệp định ngừng bắn được ký kết tại ngoại ô Paris, trước đó thời gian chính quyền Mỹ đã có lệnh cho chính phủ Việt Nam nên Đệ nhị phải Việt Nam hóa chiến tranh nhưng giới lãnh đạo của Việt Nam Cộng Hòa đã thiếu tinh thần trách nhiệm trên phương chiến đấu để tiêu diệt kẻ thù xây dựng lại quốc gia. Ngược lại có kẻ thờ ơ và ỷ lại như một tổ chức đánh thuê có tiền, có súng đạn để đánh, có Mỹ thì hành quân; không có tiền, súng đạn và cố vấn Mỹ thì bỏ chạy và đầu hàng địch. Tình hình này đã bắt đầu từ tháng giêng năm 1975 tại Đông Hà. Vì thế nên Cộng Sản Việt Nam không đánh mạnh nhưng vẫn thắng, chỉ tấn công dò dẫm và hăm dọa mà thôi.

Tình thế các vùng Cao nguyên Trung Việt và Trung Việt kiệt kuệ trước, lệnh di tản và rút quân chiến thuật được công bố, do đó quân đội không còn quả cảm để chiến đấu. Vùng I và II chiến thuật bỏ ngỏ và các lực lượng ngoại quốc (người Mỹ đã rút đi) phải hoảng sợ bỏ chạy vào Nam

*“ cá không có nước làm sao mà sống, quân không đầu lấy gì làm hậu thuẫn để chiến đấu với giặc”*

Chúng tôi cũng đành một số phận chung với dân tộc nên đành phải di tản các anh em cô nhi vào Nha Trang, Cam Ranh, Phan Rang, Long Khánh rồi vào Vũng Tàu, Sài Gòn bằng đường biển.

Chúng tôi biết tình thế miền Nam thế nào cũng bị thất thủ nên các Linh Mục, thượng tọa và số người làm bên công tác xã hội đối với các trẻ em cô nhi, tất cả có đến bộ xã hội để xin bác sĩ Phan Quang Đáng và Bs.

Nguyễn Thị Bạch tìm cách cho các em cô nhi được di tản ra nước ngoài, họ không đồng ý còn tìm cách ngăn trở mặc dù có vài tổ chức xã hội tư nhân của Hoa Kỳ muốn cho các em được trốn thoát.

Các Giáo Sĩ các Hội Truyền Giáo đều di tản trước tháng 4-1975. Cuối cùng, trước tình thế khó khăn, có một vài tổ chức xã hội của người Mỹ muốn cho các em ra nước ngoài nhưng cơ hội không thành vì lúc này tôi bị bệnh đau mắt, và có vài em cô nhi bị bệnh nặng. Tiếng súng của giặc đã vang dội tại các vùng ngoại ô Sài Gòn. Thành phố Sài Gòn cũng bị 2 phi công của không quân Cộng Hòa (làm một tuyến cho Việt Cộng) cũng đã oanh tạc vào thành phố.

Bấy giờ tình hình đã rối ren. Việt Cộng tấn công vào Bến Lức, Lái Thiêu và các vùng phụ cận Sài Gòn. Đời sống của dân chúng vô cùng lo sợ và hoang mang, các tổ chức cướp giựt và bạo động đã lợi dụng để làm ăn một cách thô bạo.

Tôi đến trung tâm xã hội của Phật Giáo (VHD) thì gặp một Giáo Sĩ Baptist và ông này cũng muốn một số em cô nhi đi về Mỹ với ông ta nên tôi tìm Mục Sư Phan Minh Ân để giới thiệu (vì anh Ân có ít trẻ em), và gia đình Mục Sư Ân cùng với 8 em cô nhi được Giáo Sĩ này tiếp nhận và di tản vào Hoa Kỳ bằng đường hàng không.

Tôi liền đến số 6 Trần Cao Vân thuộc Hội Thánh Tin Lành Quốc Tế thì gặp nhiều Mục Sư, Truyền Đạo và các tín hữu ở đó, tôi liền khuyên họ tìm đường ẩn náu và thoát thân, đừng đợi máy bay nữa vì Cộng Sản đã tấn công sát phi trường rồi, thế rồi tất cả mỗi người ai nấy đều tìm đường vượt biển hoặc lẩn trốn về quê thôn dã; có một số cũng nhờ Chúa, họ trở về giữ nhiệm chức ở Hội Thánh, sau đó có một số bị bắt đi học tập cải tạo thời gian lâu.

Chính phủ của Dương Văn Minh bị mặt trận Cộng Sản lừa bịp, mặt trận hòa giải (thành phần thứ 3) cũng bị Cộng Sản nắm vùng cho vào cạm bẫy của họ, vì một số trí thức này qua tin vào sự tận tình trợ giúp của khối Phật giáo Ấn quang, mà đặc biệt là hòa thượng TT. Thích Trí Quang, nên giờ phút ra trình diện nội các của tướng Dương Văn Minh

cũng là giờ phút quý vị này đưa tay cho Việt Cộng xuống lại và bắt đi học tập, hoặc bị đi tù khổ sai.

Có điều làm tôi suy nghĩ, tại sao chính phủ Mỹ lại không cho nhân viên Việt Nam cao cấp, kể cả những người làm việc với họ và một số bộ trưởng của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đi di tản với họ để rồi tất cả phải chịu cảnh nhục hình đắng cay.

Ai là người có trách nhiệm cho cuộc chiến đau thương này? Nhà lãnh đạo Hoa Kỳ hay Việt Nam? Quân đội, Đảng phái chính trị hay các tôn giáo lớn tại Việt Nam? Trên thế giới có nước nào sau chiến tranh phân chia kẻ thắng người bại mà không có kẻ để giải quyết vấn đề tị nạn! như Nam Bắc Triều Tiên hay Đông Tây nước Đức.

Thế là hết! thành phố Sài Gòn đã trở thành thủ đô không luật pháp, các toán cướp giết tha hồ đua nhau lợi dụng tình thế vô chủ này mà dọa dẫm và cướp bóc dân lành. Từ các ngã tư như Biên Hòa, Bảy Hiền, Cát Lái tôi thấy nhiều chiến xa và binh lính của mặt trận giải phóng kéo vào, nhiều binh sĩ và cán bộ của Việt Nam Cộng Hòa đua nhau tìm nơi ẩn náu, họ vất bỏ hết quân trang, quân cụ, họ xin quần áo của thường dân để đi di tản về các nơi tạm an bình hơn. Một số có khả năng và phương tiện thì xuống Vũng Tàu và tìm đến các nhà buôn có tàu hàng hải để tìm đường vượt biên.

Tôi có ý định đưa các em cô nhi về cơ sở của bộ sắc tộc, song tôi sợ bị ném bom vì ở gần Dinh Độc Lập, sau đó tôi đưa về trường Trung học của Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm. Một số đông dân chúng Sài Gòn không còn sợ cán binh Cộng Sản nữa và họ bắt đầu làm bạn với chế độ mà vài tháng trước đây họ cho là kẻ giết người, cướp của và bắt lương.

Tất cả trạng huống công ấy, khiến tôi nhớ đến lời lên án của thánh Giacô về tội lỗi của cái lưới trong đoạn 3. Quân đội bảo Việt Cộng tiến vào phá các hàng rào tại Dinh Độc Lập và kéo cờ vàng ba sọc đỏ, cờ của Việt Nam Cộng Hòa xuống, họ treo cờ Cách Mạng Giải Phóng vô.

Đài phát thanh Sài Gòn tin rằng: tướng Dương Văn Minh và cụ Trần Văn Hương ra nhận lệnh kêu gọi tất cả các cán binh của Việt Nam Cộng

Hòa phải buông súng đầu hàng, tình hình tại Sài Gòn thay đổi quá đột ngột khiến cho nhiều chiến sĩ yêu nước của Việt Nam phải tuần tiết và để lại gia đình vợ con sống trong cảnh đau thương. Bây giờ đã đến lúc

*“Bao giờ thằng ngốc làm vua,  
thằng khôn ở lại, thằng ngu dạy đời “*

## 24. Chính sách đàn áp và cai trị của Cộng Sản Việt Nam

**Đối ngoại:** Cộng Sản Việt Nam cật lực kêu gọi Cộng Sản quốc tế đặc biệt là Liên Xô, yểm trợ tối đa về mọi mặt để phòng ngừa cuộc tái tấn công của quân đội Hoa Kỳ và các lực lượng còn tồn tại ở Việt Nam như mặt trận Fulro.

Chỉ trích chính sách xâm lược của đồng minh vào Đông Nam Á mà đặc biệt là Hoa Kỳ, cho tăng cường các tòa Đại sứ và Lãnh sự tại hải ngoại để cổ vũ chiến thắng Việt Nam và chính nghĩa của Cộng Sản Việt Nam, kêu gọi các tổ chức từ thiện tại hải ngoại để yểm trợ và hàn gắn vết thương chiến tranh Việt Nam, đặc biệt tại các quốc gia trung lập giàu mạnh ở Châu Âu và Liên Hiệp Quốc.

**Đối nội:** Cộng Sản Việt Nam bắt tất cả cán binh của Việt Nam Cộng Hòa, cô lập và bắt giam các tu sĩ của các tôn giáo mà cho là đối lập với chế độ vô thần của Cộng Sản, đặc biệt là Công giáo và các dòng tu từ Bắc di cư vào Nam năm 1954, các tôn giáo ở miền Tây như Cao Đài, Hòa Hảo, các Mục Sư Truyền Đạo Cơ Đốc Giáo các vùng cao nguyên mà họ cho là Fulro.

Vì là chính sách thân Liên Xô nên Cộng Sản Việt Nam đã ra lệnh quốc hữu hóa một số tài phiệt, phi lý xỉ thầu người Hoa tại Chợ Lớn, Sài Gòn và các đô thị tại miền Tây để tìm cách tịch thu khôn khéo tài sản của giới thương gia rằng ra lệnh cho xuất cảnh người Hoa ra nước ngoài với giá cắt cổ. Do đó một số người Việt Nam giàu có cũng xin giấy tờ giả mạo để đăng ký vượt biên chính thức.

Tình hình này đã làm giàu cho mọi cấp lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam, có cơ hội tham nhũng cách trắng trợn hơn, đồng thời cũng tạo cơ hội cho người Hoa với lòng tham không đáy đã chìm chết ngoài đại dương các con tàu quá trọng tải một cách đáng kể, bị cướp giật, cưỡng hiếp và bão tố tại các vùng biển Mã Lai Á và Thái Lan; thật “sống chết mặc bay\_tiền thầy bỏ túi”, khiến tôi nhớ lại câu chuyện ngụ ngôn “*Ăn khế trả vàng, may túi ba gang mang đi mà đứt*”

Chính sách đầy ả trí thức và thương gia Việt Nam, Cộng Sản Việt Nam cho thiết lập các vùng kinh tế mới với mục đích phân tán mỏng các thành phần trí thức yêu nước, đồng thời đưa các cán binh trung kiên tại miền Bắc và miền Trung vào chiếm đoạt các cơ sở nhà cửa của người miền Nam. Vô tình Cộng Sản Việt Nam đã gây nên một mối thù Nam Bắc vì quyền lợi kinh tế.

Chính sách bài Hoa này đã làm cho Bắc Kinh bức tức vì họ đã mất một nguồn lợi đáng kể, vì nghĩ rằng: sau khi giúp Việt Nam chiếm được toàn vẹn lãnh thổ thì Trung Cộng có nhiều món lợi hơn Liên Xô; bởi lẽ cũng chẳng bao lâu thì có cuộc tấn công đặc biệt của Trung Cộng vào 6 tỉnh biên giới Việt Nam. Trung cộng bắt buộc Việt Nam phải hoàn trả lại tất cả các khoản viện trợ từ năm 1954-1975 cho họ, kể cả tài nguyên của các lực lượng Hoa Kỳ và đồng minh còn kẹt lại tại miền Nam mà Cộng Sản Việt Nam đã chuyên chở về miền Bắc, tất cả Trung Cộng đều tịch thu toàn bộ.

Do đó Cộng Sản Việt Nam đã không nhận được viện trợ của Hoa Kỳ là 3 tỷ bảng sau chiến tranh, mà các nguồn tài nguyên thu được cũng phải lọt vào tay của người bạn Trung Quốc. Tại đây chúng ta thấy câu nói của người Trung Quốc với Việt Nam là: “môi hở thì răng lạnh” là mĩa mai thật. Để chặn đứng con đường xâm lăng của Trung Quốc qua ngã Cao Miên vì lúc này chính quyền Cao Miên có mật giao với Trung Cộng nên Cộng Sản Việt Nam đã xua quân tấn công nước láng giềng bé nhỏ này, do đó Cộng Sản Việt Nam đã mất một mối lợi đối với các nước Trung lập tại Bắc Âu, và họ gán cho Cộng Sản Việt Nam là kẻ xâm lăng.

Cộng Sản miền Bắc đã cho người vào Cao Miên để đồng hóa dân tộc này với mục đích muốn biến Cao Miên thành một tiểu quốc của Cộng Sản Đông Dương theo như lời của Nguyễn Ái Quốc đã trối trước lúc gần thác. Vì ngược dòng thời gian vào năm 1931, lúc có phong trào Nghệ An đỏ thì ông Nguyễn Ái Quốc đã được Liên Xô phong cho một chức lớn là Tổng bí thư của Đảng Cộng Sản Đông Dương đồng thời cũng là “ sư huynh “ của các thành viên trong Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Đó là chủ thiết vô tam (vô Tổ Quốc, vô tôn giáo, vô biên cương) của Cộng Sản Quốc Tế.

Tân Thủy Hoàng, Mác-Lénine, Hitler, Hồ Chí Minh và các ác vương khác đã để lại cho hậu thế những tấm gương đẫm máu do cuồng vọng sát nhân bỉ ổi của họ.

*“ Trăm năm bia đá cũng mòn  
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ” !?!*

Luật định của Đảng Tạo Hóa cho biết: “ *có vay ắt phải có ngày trả nợ, có gieo ra ắt sẽ có ngày gặt hái, đi gieo gió thì sẽ gặp bão, ai trồng ốt thì sẽ ăn cay*”. Trước đây hơn 1000 năm người Trung Hoa đã xử tệ với người Việt Nam, người Hoa đã làm giàu trên đất nước Việt Nam mà người Hoa không chịu mang quốc tịch Việt Nam, để rồi người Hoa phải công hiến tất cả cho Cộng Sản Việt Nam để được thoát thân với 2 bàn tay trắng.

Luật định này của Tạo hóa cũng sẽ áp dụng cho Cộng Sản Việt Nam, chắc chắn không sớm thì muộn họ cũng phải trả một cái giá rất đắt cho mọi việc làm của họ, bởi vì Thượng Đế là đấng chí công-chí minh. Ngài có thẩm quyền xét xử mọi loài xác thịt, với kẻ sống và kẻ chết. Ngài sẽ trở lại thế gian lần thứ 2 để ban phần thưởng cho kẻ trung tín và yêu mến Ngài cách chân thật, Khải huyền 22:12-17. Lạy Chúa Jêsus xin Ngài đến!

## 25. Chính sách vắt chanh bỏ vỏ của Cộng Sản Việt Nam

Chế độ Cộng Sản là chế độ độc tài và Đảng trị, một chế độ không có đối lập chính trị và luôn luôn bóp chết tiếng nói trung thực của cơ quan ngôn luận và báo chí.

Bản chất của con người Cộng Sản là không có tình nghĩa, yêu thương và không tôn trọng nhân quyền nên họ luôn luôn tạo mâu thuẫn để khai thác tin tức, tạo cảnh nghi ngờ để phân hóa hầu đạt cho được mục tiêu của Đảng trị nghĩa là vắt chanh bỏ vỏ, nghĩa là đến lúc nào đó Đảng Cộng Sản không còn sử dụng được bất cứ một đồng lớp, cá nhân hay tổ chức nào là họ phải tiêu diệt, để khỏi phải tốn ngân quỹ và nhọc công theo dõi. Phạm Văn Đồng đã từng nói :” *giết làm còn hơn bỏ sót* “ đó là châm ngôn của Cộng Sản Việt Nam và Cộng Sản quốc tế.

Hiện tượng này đã diễn ra tại Việt Nam, dân chúng Việt Nam đã thấy tận mắt của mình nhiều chiến sĩ, nhiều tướng công đã có nhiều quân hàm anh dũng trong thời chống Pháp, đánh Mỹ song giờ này tất cả đều bị thất sủng và cuộc sống của họ như người thường dân nghèo, vì họ không được gọi là con người biết đánh bóng cho kẻ bề trên của mình. Đó là chủ trương của ông Nguyễn Ái Quốc “ *mười năm trồng cây, trăm năm trồng người*”, Cộng Sản Việt Nam chỉ biết vun trồng những con người có lợi cho Đảng của họ và loại trừ bất cứ con người nào gây bất lợi cho họ mặc dù họ là người trung chánh.

Tại các trại giam miền Cao Bắc Lạng, có một số tù phạm “ *họ là người của chế độ tự do Việt Nam*” , tôi được nghe từ một người thân của một tuyên úy Tin Lành, bà này đi thăm chồng về và kể lại nhiều cảnh khổ tại đó: cái khổ đau lòng nhất của các tù nhân là phải đem thân làm trâu bò để kéo cày bừa cho lũ cán binh Cộng Sản mà vẫn bị ngược đãi như bầy súc vật.

Tướng Lâm Văn Phát có lần đến thăm tôi, ông ta được ra tù vào cuối năm 1986. Một câu chuyện nào lòng là 3 tù phạm (quốc gia) đi chặn giữ

một đàn bò cho bộ đội Cộng Sản, vì đói khổ quá các vị này phải vật ngã một con bò cái có sữa nằm xuống và thay phiên nhau kê miệng vào vú bò để tìm vài giọt sữa; một vài trường hợp khác họ dẫn bò vào rừng ăn cỏ và tìm cách cắt bớt thịt của ở mông để nướng ăn cho đỡ đói và về nói bò sắp bị cạo ăn thịt. Thật ra thì “*phú quý sinh lễ nghĩa, bần cùng sinh đạo tặc*”. Có ai từng sống trong tù của Cộng Sản miền Bắc mới biết con đói khát chua xót của cái dạ dày là dường nào!

Chế độ Cộng Hòa của miền Nam, vẫn có nhà tù, có chuồng cạp ở Côn Sơn. Họ cũng bắt giam và tra tấn đối thủ của mình, nhưng sau đó kẻ phạm tù còn có cơm ăn, có thuốc uống và có lệnh xét xử, thỉnh thoảng có vài trường hợp vẫn được hội ân xá Quốc tế thăm hỏi và bênh vực. Tại miền Nam vẫn có độc tài, vẫn có tham nhũng song họ có tự do báo chí và có đối lập chính trị, còn chế độ Cộng Sản Việt Nam thì là cách mạng một chiều, nghĩa là không có đối lập chính trị; tất cả mọi uy quyền đều nằm trong tay của một vị Bí thư Đảng, guồng máy hành chính bề ngoài chỉ là cái vỏ, là bình phong lưu động của mọi thủ đoạn. Không cầm dao, song chỉ mạch để đâm giết.

Ngay có một lần phái bộ của Liên Xô vào thăm các trại giam của miền Bắc đều phải than thở và phàn nàn về chính sách ngược đãi tù binh của Việt Cộng. Đó là chưa kể đến tình trạng biên chế, thanh toán của nội bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam như chủ tịch Nguyễn Lương Bằng bị ám hại, Chu Văn Tấn bị tổng giam, Trần Văn Trà, Nguyễn Hữu Thọ, Huỳnh Tấn Phát bị cầm cố, ngồi chơi xơi nước. Hoàng Văn Hoa phải đào tẩu ra nước ngoài. Chắc chắn sớm muộn gì chủ nghĩa Cộng Sản Việt Nam phải bị thay đổi và biến thể để cứu vớt mọi cảnh lầm than bất công và nghèo đói của dân tộc Việt Nam mà đặc biệt là miền Bắc.

## **26. Đối với các tôn giáo miền Trung Nam**

Chủ đích của Cộng Sản Việt Nam là miệt thị và tìm cách tiêu diệt tôn giáo và đặc biệt là Cơ Đốc Giáo. Họ cho tôn giáo là thuốc phiện độc hại, cái đáng kể là kẻ hành nghề bán thuốc để kiếm sống. Họ tìm cách bóp chết Cơ Đốc Giáo vì họ gọi Cơ Đốc Giáo là kẻ thù sau cùng của Cộng

Sản , thật sự là như vậy vì Christ và Anti-Christ không thể sống chung được. Mặc dù Cộng Sản Việt Nam vẫn hô hào thay đổi hiến pháp cho tự do tôn giáo song là tôn giáo tiến bộ, yêu nước và quốc doanh, nghĩa là các vị lãnh đạo tôn giáo này là tay sai của Đảng Cộng Sản Việt Nam .

Tất cả các bài giảng của Mục sư, mọi chương trình thăm viếng và giáo vụ cũng phải bị kiểm soát trước khi thi hành. Tất cả mọi tài sản của giáo hội đều bị Cộng Sản tịch thu và quốc hữu hóa. Giáo hội muốn bổ nhiệm cho một tu sĩ vào thay thế cho một tu sĩ già, hoặc quá cố mà không được chính quyền chuẩn y thì không bao giờ có được hộ khẩu và chủ tòa Hội Thánh. Chế độ Cộng Sản dùng cái dạ dày của con người để cai trị, Cộng Sản dùng chia rẽ để cai trị, dùng trẻ em và con chiên già để kiểm soát mọi hoạt động của Mục sư và Hội Thánh của Chúa, nếu chẳng may bị chụp cho cái là làm tình báo CIA cho Mỹ và là Fulro chống đối Cộng Sản Việt Nam thì sẽ bị đi cải tạo mút mùa.

Cộng sản cũng đặc biệt chú ý đến đồng bào Công Giáo di cư từ miền Bắc vào như Bùi Chu-Phát Diệm, số phận của các con chiên này như sống giữa bầy muôn sói. Con cái của họ cũng bị cô lập và không được vào các trường lớn của chính phủ và không tìm được việc làm tại các cơ quan của Cộng Sản , mặc dù loại công việc tồi tệ như dọn vệ sinh cho công cộng, lý do vì hồ sơ của họ là con cái Chúa Cứu Thế Jêsus (Tám phước lành qua bài giảng của Chúa Jêsus, Mathiơ 5:1-12 nguồn an ủi của mọi con tim đau khổ vì Đấng Thiên Chúa).

Tôi còn nhớ vào mùa thu năm 1979, một vị Linh Mục cần đi thăm một giáo xứ tại Long Hải-Phước Tỉnh vì giấy phép không hợp lệ hoặc thiếu điều kiện ưu sách của Việt Cộng mà ông phải bị câu lưu gần 1 ngày, làm cho các Bà phước ở đó phải nóng lòng, chờ đợi và cầu thay. Về sau họ mới biết chủ mưu việc này là một con chiên mọc sừng (nghĩa là đã biến thành dê, đó là anh Năm Hùng ở Phước Tỉnh), sự khó khăn đã tạo nên các chùa chiền, nhà thờ và giáo xứ tất cả không phải là Việt Cộng, song chúng đã có một phần nào do các tầng lũ và tín hữu quốc doanh.

Trước kia Cộng Sản có lợi dụng một số phật tử của khối Ấn quang do thầy Thích Trí Quang và Thích Nhất Hạnh mạ lỵ và bôi nhọ nhóm

Phật giáo của khối Việt Nam Quốc Tự do thượng tọa Thích Tâm Châu thế vào. Thì ngày nay Cộng Sản Việt Nam vẫn giữ trò ma giáo thế ấy. Chẳng những Phật giáo mà thôi, song Tin Lành Việt Nam cũng có một số tăng lữ quốc doanh đó là Mục Sư Nguyễn V. Quang tại Sài Gòn. Về phía giáo hội Công Giáo La Mã thì bị chi phối nặng nề do các giám mục tại miền Bắc.

Giờ đây thật hiếm có người nào hiểu rõ tình hình các tôn giáo tại Việt Nam như thế nào? Kể cả các giáo hội Cao Đài và Hòa Hảo. Song tôi có thiếu nghĩ các tôn giáo ở Việt Nam được chia ra làm 3 thành phần, một chống đối Cộng Sản Việt Nam dưới mọi hình thức; hai là lưng chừng, ba phải, sao cũng được, đâu mạnh thì xà vào, đâu yếu thì bỏ tránh; ba là làm con tin và antenne cho chính quyền để đánh bóng chế độ tai hại.

Riêng đối với 2 giáo hội lớn ở Việt Nam phải học bài học xương máu qua kinh nghiệm đấu tranh và xuống đường tại các tỉnh miền Trung vào cuối năm 1966-1967.

Bài học tết Mậu Thân năm 1969 của Cộng Sản Việt Nam lúc tiến vào chiếm cố đô Huế và đã giết tập thể, chôn sống một số con chiên ngoan đạo của các giáo hội đang phục vụ chính nghĩa Quốc Gia Việt Nam. Biến động đấu tranh xuống đường chống Mỹ của khối Phật giáo quá khích tại miền Trung, ấy là lúc tôi ở Quảng Trị (Minh Phú, Minh Hà con tôi và gia đình phải lên máy bay của quân đội Mỹ ở Đồng Hà để di tản về Đà Nẵng). Về tại phi trường Đà Nẵng thì không có cái gì để về 1-Lý Thường Kiệt nên máy bay phải trao đổi qua phi trường Non Nước và dần dần chúng tôi mới về được tại cô nhi viện Mỹ Khê của Hội Thánh.

Hầu hết dân chúng Việt Nam bị ảnh hưởng bởi các cánh báo chí chống chế độ Diệm, đặc biệt thượng tọa Thích Nhất Hạnh đã đưa vào miền Nam một số tài liệu có tính cách chống Mỹ và lên án chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa (đó là quyển “*Hoa sen trong biển lửa*”). Tập sách này rất có nhiều thuận lợi cho bộ máy tuyên truyền Việt Cộng trên phương diện chống Mỹ tại Đông Dương và Việt Nam.

Kết quả đau thương được qui trách cho các vị lãnh đạo cao cấp của tôn giáo tại Việt Nam. Vì người xưa nói “*lưỡng mục tương tri, ngư ông đắc lợi*”. Đến bây giờ Cộng Sản Việt Nam nắm toàn bộ quyền hành thì các cơ sở tôn giáo hoặc đóng cửa, một số các chức sắc cao cấp của tôn giáo đều bị câu lưu và cải tạo, trong số này cũng có thượng toạ Thích Trí Quang và Linh Mục Nguyễn Văn Thanh.

Những chiếc ghế đặc biệt tại nhà thờ Đức Bà ở Sài Gòn để dành cho tổng thống Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu ngồi sám hối và cầu nguyện, thì ngày nay để cho các viên chức giáo xứ giả hình ngồi để theo dõi các giờ hành lễ của Linh Mục, phải dùng lời Chúa đã được ứng nghiệm là Anti Christ đã ngồi trong nhà của Đức Chúa Trời để xét đoán các lòng giáo phạm, Tê-sa-lô-ni-ca 2:1-16. Họ muốn lật đổ Đức Chúa Trời và địa vị độc tôn của Ngài trong công việc của Cơ Đốc Nhân. Đã đến lúc lời phán của Đức Chúa Trời được ứng nghiệm. Trước đây gần 2000 năm con của Đức Chúa Trời cũng đã bị bọn bất lương, vô tín và gian ác xét xử cách bất công, đoàn dân đông thời đó đã mờ mắt và có một số khiếp sợ nên họ đã nài xin tha tội cho tên giết người Banava và đóng đinh Chúa của họ là Đấng yêu thương trọn lành. Vậy phải nhờ lời ông Nguyễn Văn Thiệu nói: “*Đừng nghe những gì Cộng Sản Việt Nam nói hãy nhìn những gì họ làm*”

## **27. Đồi mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam - đặc biệt là giới vô sản, lao động thì sao?**

Giai cấp vô sản nghèo nàn là lớp người mà Cộng Sản đã lợi dụng lúc còn ở rừng núi để đấu tranh và làm dụng cụ lót đường cho chủ nghĩa. Họ hứa hẹn đủ mọi điều nào vô sản sẽ chuyên chính nghĩa là nắm giữ quyền hành. Song với bản chất ma giáo là vắt chanh bỏ vỏ của Cộng Sản Việt Nam, khi họ nắm được toàn bộ quyền hành thì giai cấp vô sản cũng vẫn là vô sản. Số người đã hy sinh và dâng hiến tài sản, tánh mạng cho chế độ Cộng Sản Việt Nam rớt cuộc rồi cũng chẳng được kết quả gì. Vì chính sách của Cộng Sản Việt Nam là bản cùng hoá để cai trị. Họ cai trị dân chúng bằng cái dạ dày không phải bởi đức hạnh và yêu thương. Họ may cuộc sống được sung sướng chỉ dành cho lớp người cai trị còn

tại chức mà thôi, đó là chưa kể đến tình trạng tham nhũng cách trắng trợn.

Vì tham nhũng là quốc sách của Cộng Sản Việt Nam. Do đó họ đã xuất cảnh một số Hoa kiều ra nước ngoài với một giá cắt cổ. Đến Cộng Sản Việt Nam còn muốn bán hài cốt của lính Mỹ trong chiến tranh Việt Nam.

Tôi có biết một vị Giáo Sĩ người Anh tên là John Haywood, ông ta đã bị tuần đạo tại đèo Hải Vân Việt Nam. Mộ của ông ta nằm tại nghĩa địa Nam Ô gần Đà Nẵng, song cũng bị đào xương cốt để đem bán cho các giới chức của Hoa Kỳ và nói là hài cốt lính Mỹ. Thật ra điều này vợ con của ông ta tại Thụy Sĩ<sup>8</sup> có biết đâu? Cứ ngỡ vẫn còn nằm tại đó.

Các lăng tẩm của quý bác tại các nghĩa địa Hoàng Triều đều bị đào bới để đem đi bán. Mọi tài nguyên lâm thổ, thương sản Việt Nam đều bị khánh tận. Họ cố tình tẩu tán tài sản quốc gia Việt Nam ra ngoại quốc cho bà con của họ, để rồi một ngày nào đó có biến cố xảy ra, họ sẽ được toại nguyện với thân nhân của họ tại quốc ngoại qua cuộc sống nhàn hạ.

*Tôi không muốn mời anh đi thăm xa lạ  
Nhìn đau thương của xã hội điêu tàn  
Biết làm sao kể hết mọi lầm than  
Lúc trái ngược, tràn đầy tất cả*

Có một lần tôi từ miền Tây về tôi bắt chợt gặp một câu chuyện: có một bà cụ già, bà ta có con hy sinh cho Cộng Sản thời chống Pháp, bà xuống Tiền Giang để thăm cháu, lúc về Sài gòn bà được các dâu con nấu cho một ít bánh tét để đem về dùng Tết, đến trạm kiểm soát Trung Lương, bà cụ bị công an tịch thu gần hơn một nửa, bà cụ nhiều lần nài xin để đem về cúng cho người con đã hy sinh cho kháng chiến, song bọn Cộng Sản công an vẫn không cho, tức mình bà cụ nói, nếu biết tội bay gian ác như vậy thì lúc xưa tao không tiếp tế cho tội bay đầu! Tao sẽ chỉ cho quốc gia và Mỹ giết sạch tội bay để tránh hậu hoạn ngày nay. Thế là bà cụ bị

---

<sup>8</sup> Bà quả phụ Simone Haywood và con Jacqueline  
Trang 54

công an mời xuống trạm để xét giấy, thì mới hay cụ có người con làm trưởng công an Thành phố Biên hòa, đó là một bất công nho nhỏ trong muôn ngàn người dân bị gọi là phản cách mạng. Nên tìm cuộn phim “*Hà nội trong mắt ai*” tử tế để biết thêm về bản chất của Cộng Sản Việt Nam. Nếu ông Hồ còn sống, thì ông sẽ chứng kiến mọi bất công tàn ác của bầy tôi mà ông đã để ra đối với hậu tự con cháu của cách mạng vô sản.

Giờ đây dân chúng Việt Nam và các nhà lãnh đạo của chế độ cũ, các vị lãnh đạo cao cấp của các tôn giáo, mới thấy rõ bao quá phạm của mình và sáng mắt để nhìn cảnh đau khổ của dân tộc. Người ta thường nói:

*“Ăn năn thì việc đã rồi; bát nước đã đổ xuống đất, thì không thể hút lại được”*

Vì vậy thế hệ trẻ của Việt Nam phải nhận định rõ bản chất của Cộng Sản Việt Nam mà cố gắng đoàn kết yêu thương và dẫn dắt nhau để giải trừ hậu họa Cộng Sản và tái lập nước Việt Nam trong giai đoạn nghiêm trọng sắp tới. **Đừng giở áo cho kẻ thù đâm lưng mình, đừng rước voi về giòng mả tổ, vì tôi sợ tuổi trẻ sẽ bùng bột và mời Cộng Sản Trung Quốc, Liên xô vào can thiệp nội tình biến đổi.**

Trước đây gần 20 thế kỷ, Chúa Jêsus đã khóc cho dân tộc của mình là quốc gia Do Thái, đang bị bọn thầy Pharisai và tôn giáo giả hình, cấu kết cùng Herode bắt lương để tàn phá hại dân Do Thái. Thế rồi dân Do Thái phải bị quân đội đế quốc La Mã xâm chiếm và cai trị gần 50 năm lý do chỉ vì dân Do Thái đã chối bỏ Thượng Đế và bất tuân mạng lệnh của Ngài. Quốc gia Do Thái suýt chút nữa bị vĩnh viễn xóa tên trên bản đồ thế giới.

Nhìn về dân tộc Việt Nam, qua ngàn năm xâm lăng của Trung Hoa, trăm năm của thực dân Pháp và 30 năm nội chiến, đất nước Việt Nam chỉ là thí điểm cho mọi cường quốc sử dụng để đua sức, tánh mạng của dân tộc Việt Nam chỉ để làm mồi cho những triệu tấn vũ khí cỡ lớn xỉ của các nhà tư bản vô lương tại Phương Tây sử dụng. Tôi nhìn thấy của người Tây phương, còn được ân huệ hơn người dân bản cùng vô thế lực

tại Việt Nam, đặc biệt các Sắc tộc Cao nguyên mà nhiều năm tôi đã phục vụ Chúa giữa vùng họ tại Quảng Trị từ năm 1963-1968, và từ 1972-1975 tại Cao Nguyên Phú Yên & Phú Bổn.

Một câu chuyện thật hữu được diễn ra tại tiệm phở đường Pasteur của Thành phố Sài gòn, sau ngày Cộng Sản Việt Nam nắm chủ quyền quốc gia: tôi và anh Bùi Duy Tâm, có ý định tổ chức đi vượt biên vào mùa xuân năm 1979, nhân cơ hội rảnh, dành chút thì giờ để ghé thăm tiệm phở có tiếng này, người chủ đã đi vượt biên, chỉ còn người bà con nổi nghiệp, mảnh lối của kẻ vượt biên muốn tìm người quen biết là dụng lợi cơ hội tại các chỗ đông người để tìm gặp và trao đổi.

Gần 5 năm tôi mới có dịp đến nơi này, và vì lời mời ân cần của anh Tâm tôi mới cùng chung nhau hiệp ý để đi ăn tô phở, lúc vào thì tôi thấy có rất đông người đã ngồi ăn, có số đã chực sẵn để chờ thức ăn, cũng có rất đông trẻ em đứng nhìn thực khách với cặp mắt đói khát và thèm thuồng. Đặt xong 2 tô phở chúng tôi định ngồi xuống, thì có hai đứa bé đến chào chú Tâm, vì cha nó là bạn chí tình của ông lúc ông còn làm ở Đại Học Minh Đức, xin tiền để ăn phở hoặc mua bánh mì, thấy mấy đứa bé quá đói nghèo, tôi và anh Tâm không nỡ ăn 2 tô phở, nên dành cho 2 đứa bé. Thế rồi cả bọn chúng nó lại dành nhau mà ăn. Có nhóm khác dành nhau ăn các các tô phở thừa còn lại của những người khác. Sự kiện này khiến tôi tìm hiểu thì một vài em trả lời: cha đã bị chết trong lúc đi cải tạo tại miền Bắc, mẹ bị bắt vì tội vượt biên & âm mưu chống chế độ, nhà cửa bị tịch thu, các chị em phải bị cưỡng bách đi vùng kinh tế mới, vì quá đói khổ và bệnh tật nên chúng tôi phải trốn về để đi xin ăn. **Thật thương thay cho trẻ em vô tội, sinh ra chỉ để chứng kiến kiếp người bị dày khổ hơn là thú vật, khiến tôi nhớ lại câu chuyện của “Quan giàu có và người nghèo khổ là La-xa-ro”**.

Biết bao giờ chấm dứt mọi bất công trên đất, kể cả tại các xã hội tân tiến của văn minh tây phương & xã hội nghèo đói của các quốc gia bán khai và chậm tiến. Vì tình hình lúc này vô cùng khó khăn , nên tôi không thể chia xẻ và làm chứng về Chúa Cứu Thế cho các em nhiều, ngoại trừ vài em mà tôi và ông Tâm biết rõ lý lịch của nó. Có biết đâu một số khác đã

được công an huấn luyện và đi theo dõi để bắt bớ và sát hại người quốc gia chân chính.

Tôi từ biệt trung tâm Thành phố Sài Gòn để về Bà Rịa và từ đó đến hôm nay tôi chưa hề được đặt chân vào nơi mà người Pháp gọi là “*Hòn Ngọc Viễn Đông*”.

Thật, giá mà con người có chút lương tâm và lòng trắc ẩn biết kính sợ Thiên Chúa và yêu mến anh em của mình, thì tôi nghĩ sẽ không có bất công, chiến tranh xảy ra trên đất. Chiến tranh chỉ đem đến sự tàn diệt và làm tốn phí mọi sức người và tái nguyên của thiên nhiên, có lợi chẳng, chỉ để dành cho cho đám tư bản gian ác, tóm tắt về luật pháp của Chúa Giêsu Mathiơ 22:34-39, Đức Chúa Giêsu phán rằng: *Người hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu mến Chúa là Đức Chúa Trời người và điều răn thứ 2 là: Người hãy yêu thương kẻ lân cận của mình.*

Loài người trên trái đất ngày nay chỉ cầu mong thực hiện được phần nào của lời Giáo dục của Con Thượng Đế, thì Hòa Bình, Phước Hạnh và Công Chính sẽ được vẫn hồi. Sự bất công & sát hại sẽ được giảm thiểu cách thiết thực.

## **28. Vai trò người Mỹ & chính phủ Mỹ với chiến tranh Đông Dương (Việt Nam)**

Kể từ lúc chính quyền Mỹ do Tổng thống Trumann tại nhiệm, ông ta đã giúp đỡ cho chính quyền Pháp một số viện trợ đáng kể để chiến thắng Việt Minh do Hồ Chí Minh chỉ đạo. Thật chính quyền Pháp và vai trò của họ từ năm 1901 đến 1944 đã quá thậm tệ bởi nền tảng cai trị theo lối thực dân chủ nghĩa; trong khi đó nhiều nước bị Anh, Pháp, Hòa Lan coi như thuộc địa đã đứng dậy và vùng lên đấu tranh giành lại Độc Lập và chống áp bức của ngoại xâm. Bên trong có các phong trào mà đều có các ban tay của khối Cộng Sản quốc tế la Liên Xô, Trung Quốc trợ giúp. Do đó quân đội Pháp tại Việt Nam đã bị thảm bại đặc biệt sau trận Điện Biên Phủ, vì tình thế quá khó khăn nên Mỹ đã tẩy chay & hắt chân Pháp khỏi Đông Dương và mạng dạn bước vào cuộc chiến.

Chính quyền Ngô Đình Diệm được chính quyền Mỹ trợ giúp và cố vấn về mọi mặt, quân sự, chính trị, kinh tế. Chính quyền Đệ Nhất của Cộng Hòa chỉ muốn Mỹ trợ giúp mọi mặt và chỉ đóng vai trò cố vấn mà thôi, song dầu người Mỹ thấy miền Nam Việt Nam quá yếu và ông Diệm đang thi hành một chính sách gia đình trị, Công giáo trị, nên họ tìm cách tiêu diệt gia đình họ Ngô và mạnh dạn đưa quân vào tham chiến. Lúc này tình hình Việt Nam cả hai miền đều không có tuân giữ theo hiệp định Paris được ký kết với Pháp nữa. Bắc Việt đã yêu cầu khối Cộng Sản quốc tế trợ giúp mạnh mẽ và tại miền Nam họ thành lập Mặt Trận Giải Phóng miền Nam đã tìm cách đánh phá chế độ Ngô Đình Diệm và kể cả nền Đệ Nhị Cộng Hòa dưới nhiều hình thức (quân sự, chính trị, tôn giáo và kinh tế).

Do đó, sau cái chết của Tổng thống Kennedy làm cho chính quyền Mỹ khó ăn nói về nhân quyền, và an ninh, và quốc hội chấp nhận cho phó Tổng thống Johnson làm thay thế, ông ta đã vội vã ra lệnh đưa quân đội chiến đấu mọi binh chủng và tàu chiến, máy bay không lồ B52 vào Thái Lan và Đông Dương.

Cường độ chiến tranh đã gia tăng cách khốc liệt, Mặt Trận Giải Phóng miền Nam đã lớn mạnh, đánh phá nhiều nơi và làm chủ tình hình nhiều vùng cao nguyên Việt Nam. Chính quyền của Nguyễn Văn Thiệu chỉ nắm giữ các vùng đô thị mà thôi. Cộng Sản Trung Quốc đã cho một số xì thâu và Chợ lớn để gây lũng đoạn kinh tế Việt Nam và gieo mọi tệ hại xã hội. Người cầm đầu là Lý Long Thân, một thương gia giàu thế giới mà ông bà Thiệu phải kính nể. Chính quyền và cán bộ miền Nam Việt Nam thì lúc này có viện trợ Mỹ, người nào cũng tham nhũng và làm ăn bất chấp liêm sỉ và quốc gia.

**Nhất dạ tề vương tại Chợ lớn là địa ngục đã giết chết mọi tâm hồn quốc gia chính nghĩa của Việt Nam & mọi lực lượng tham chiến.** Nghề tham nhũng và buôn lậu ma túy là hai quốc sách của miền Nam lúc này, nếu ai chống lại thì sẽ bị bao vu & giết chết.

Về phía người Mỹ thấy quá chán, nên nắm nhiều quyền hành về quân sự và tài chính của miền Nam. Chính quyền Nixon đã ra lệnh cho oanh tạc miền Bắc bằng máy bay B52 và phong tỏa hải cảng Hải Phòng với ý đồ vừa đánh vừa hòa và chỉ cầm chân quân đội Bắc Việt mà thôi. Nếu mà Mỹ và Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa được lệnh tấn công Bắc Việt thì chắc chắn ngày nay Việt Nam đã được thống nhất và tự do, dân chúng Bắc Việt cũng đã không chịu mọi hoàn cảnh nghèo đói như hiện trạng ngày hôm nay.

Tại miền Nam vào các vùng cao nguyên rừng rậm, người Mỹ phong tỏa chất độc hoá học làm cho các rừng rậm, cao nguyên phải bị phá sản cho đến ngày nay. Khi chiến trận ác liệt xảy ra vào mùa hè đỏ lửa 72, từ Khe Sanh đến Huế, Quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã bị bỏ rơi, và hầu hết các cấp lãnh đạo & chiến binh đều chán nản.

Tại các mật khu vùng 3 cùng vùng 4 chiến thuật, Mỹ đã dùng loại bom CBU diệt người và mọi sinh vật có hơi thở. Do đó người ta có thể kết luận rằng : Vai trò người Mỹ & chiến tranh của Mỹ tại Đông dương, đó chỉ là một cuộc chiến tranh để thử nghiệm vũ khí, chất độc hóa học và cuộc đo sức giữa khối Mỹ và Liên Xô về chiến lược của vũ khí hóa chất và hạt nhân theo hiệp ước Yalta giữa Mỹ & Nga năm 1945 mà thôi. Mà kết quả gánh chịu là trét vào đầu cổ của một dân tộc lạc hậu suốt đời phải chịu bao ngàn năm ngoại xâm và nội chiến, chỉ để chạy theo và thi hành mọi quỷ kế của các siêu cường và tư bản.

Giá mà dân tộc được khai sáng và có trình độ quốc gia chân chính, dân chủ thật sự và ánh sáng công bình & yêu thương của Thượng Đế, thì các nhà lãnh đạo Việt Nam đã được hoán cải từ nội tâm của con người và góp phần xây dựng chính nghĩa quốc gia, khôi phục hạnh phúc cho người Việt Nam.

## 29. Sinh sống tại Bà Rịa 1975-1979 (40-44 tuổi)



Figure 21: c ô Huân và Minh Phước (1979)

Còn gia đình tôi chấp nhận lại cuộc sống bần hàn tại Phước Hòa-Bà Rịa. Thời gian 4 năm với nghề làm than củi tại vùng rừng Sát để độ nhật gia đình.

Minh Phước, gái út của tôi ra đời trong hoàn cảnh thật đáng thương, gia đình tôi không đủ tiền để mua cho nó một lon sữa đặc mà chỉ mua được  $\frac{1}{2}$  lon thôi, gia đình tôi cũng phải sống trong cảnh nghèo khổ và ăn uống rau khoai, độn nửa sắn nửa gạo hoặc bo bo.

Nếu ngày nào tôi và Thế không đi làm than củi thì ngày đó thiếu ăn, thật một năm đầu vô cùng khổ cực, có lúc tôi và Thế phải cùng đi đẩy củi thuê cho người hàng xóm để có tiền mua gạo cho các con ăn đỡ đói.

Sau đó chúng tôi làm được ít củi và thuê 1 ghe chèo bằng tay, với một tín đồ Công Giáo là anh Nghĩa lên Sài Gòn bán và mua gạo về dùng, nửa đường về bị công an Cộng Sản Việt Nam chặn lại kiểm tra và tịch thu hết một nửa gạo mấm.

Các bà con và bạn đồng nghiệp thì lúc này đã xa vắng, thật tôi mới thấy câu nói của người xưa là có giá trị:

*Bần thân tại thị vô nhân vẫn  
Phú quý sồn làm hữu viên thân*

Cảm ơn Chúa dẫu mọi sự khó khăn, đói khổ song tôi cảm thấy gia đình được gần gũi với Chúa và thấy bàn tay yêu thương của Ngài để che chở khỏi ốm đau bệnh tật.

Người hàng xóm thấy vậy cảm động thương xót và hướng dẫn chúng tôi làm than củi để sinh sống, sau đó tôi được bà Mục Sư Ba là dì tôi ở Sài Gòn và vài gia đình tín hữu như bà Thắm, bà Huýnh giúp đỡ chút ít vốn

để làm ăn và từ từ tôi đứng dậy được và mua được một ghe nhỏ để làm củi rồi làm cá, hầu tìm đường vượt biên với 2 chữ tự do.

Nhiều lần vào rừng làm than củi do không có chuyên môn nên nhiều lần bị cây đổ suýt gãy chân và nhiều lần bị rựa chặt vào tay chân phải bị tai nạn. Nhiều lúc nằm giữa trời giữa nước trên chiếc ghe mỏng manh mà ngẫm nghĩ đau lòng cho thế sự, nhân tình của đời lẩn đạo. Tôi bỗng nhớ đến lời người xưa :

*Thế sự thăng trầm, quân mạc vấn  
Âm ba thâm xứ hữu ngư châu.*

Ngồi trên ghe chòng chành với vài mẻ lưới và ít cần câu lúc thả chum lúc thả nổi, tôi bỗng nhớ đến câu thơ của một nhà văn Việt Nam :

*Chìm dưới nước cá lừ lừ lặng  
Ngắm trời xanh ta biết nói với ai?*

Tôi nhớ lại cuộc đời của sứ đồ Phi-e-rơ lúc Chúa tử nạn, ông đã trở về nghề củi để sinh sống tại bờ biển hồ Galilê, ông và các bạn của mình đã làm việc quá sức và vô cùng mệt mỏi; song trong đêm đó họ không được chi hết mãi cho đến lúc Chúa Jê-sus hiện đến đánh thức và dạy dỗ cho họ, Giăng 21:3-8.

Tôi nhớ lại tiên tri Ê-li lúc yếu đuối và chán nản nên khi ông nghe lời hăm dọa của Giê-sa-bên thì đã chạy trốn để cứu mạng sống của mình, dầu vậy Thiên Chúa vẫn yêu thương và dùng các sứ thánh cầu Ngài đến để thuyết phục và an ủi ông làm tròn chức vụ, cho đến ngày ông được về với Chúa, I Các vua 19.

Trong cuộc đời truyền giáo cho dân ngoại sứ đồ Phao Lô đã gặp nhiều thách thức khó khăn, ông dường như đã chết nên ông đã viết: ” *nào ai yếu đuối mà tôi chẳng yếu đuối chẳng, vì ai nấy vấp ngã mà tôi không như nung như đốt chẳng, vì khi tôi yếu đuối là lúc tôi mạnh mẽ*” sứ đồ Phao Lô đã được Chúa Thánh Linh cảm động để ông thức tỉnh và nhìn nhận mọi nhược điểm và quá phạm của mình để rồi ăn năn và xin Chúa

tha thứ, thương xót để có thể tiến bước cách mạnh mẽ hơn lên, II Cô-rinh-tô 11:22, II Cô-rinh-tô 12:10b.

Tôi liên nghĩ về gia đình, trong đêm tối mưa lạnh trong căn nhà trống ba gian có thầy mà không có học trò của cuộc đời văn nghiệp Cao Bá Quát. Tôi nghĩ bây giờ đến các giếng nước trong và nhìn thấy

*Cá lớn nuốt cá bé ,  
Nước trong cá đớp cá,  
Trời nắng chang chang người giết người*

Thật cuộc đời làm người quá chua xót, lúc thăng lúc trầm. Tôi cảm tạ ơn Thiên Chúa, do những cơ hội này khiến tôi được gần gũi và tương giao mật thiết với Ngài càng hơn.

Tôi mơ ước trời ngày mai lại tươi sáng và ước gì mình có cơ hội đi qua các nước Tây phương để hầu việc Chúa và học hỏi lời Ngài, tôi đã kêu xin Chúa về những giấc mơ này lúc tôi nằm tại nhà tù Anh Sơn mà mãi gần 10 năm chưa thấy tăm tích. Bỗng tiếng gà gáy sáng, tiếng chó sủa canh đêm, vì có đoàn người qua lại tại bên kia bờ sông Phú Xuân, Nhà Bè, tiếng ghe chèo tay, ghe có máy, tiếng súng bắn hãm dọa của tuần giang Việt Cộng để rượt bắt kẻ trốn củi, chèo đò độ nhật từ xa vọng lại, tôi hoảng sợ và bắt đầu chèo ghe, tháo câu, vớt lưới để xuôi dòng về Song Vĩnh.

Qua các ngã sông lạnh để tìm về tổ ấm với căn nhà lá lộ thiên. Tiếng mái chèo khua nước đục hòa với tiếng chim quốc lạc đàn. Thật nó khiến lòng tôi nhớ cơn quốc biến với bao tiếng quốc cầm hờn. Tôi nhớ và ngâm các vần thơ của Mạc Đăng Duy :

*Nợ nước chưa xong, thù nhà chưa trả  
Gươm mài vòng nguyệt ánh trăng soi*

Và một câu thơ mà tôi quên tác giả:  
*Từ thuở mài gươm đi cứu nước  
Ngàn năm thương nhớ đến Thăng Long*

Tôi giật mình và hoảng sợ, vì đang là khu Việt Cộng kiểm soát tuần hành đêm ngày, giá mà họ nghe được thì mình chết cách dại khờ.

Tới bờ Song Vĩnh tôi neo ghe, vác gạo mắ<sup>m</sup> và cùng Thế đ<sup>ể</sup> vào nhà cho vợ con vui mừng vì mình khỏi bị du kích tịch thu gạo mắ<sup>m</sup> trong chuyến đi này.

Cảm ơn Chúa các con tôi reo mừng lên vì chúng có được thức ăn khá khá và có ít bánh bao do ông bà Hung (một tín hữu ở Sài Gòn) gửi cho thật là ngon lành. Các con lớn của tôi nói :” *thôi nghỉ học để các con đi làm than củi và bán sẽ có tiền mua thức ăn ngon như thế này ba má nhé* “. Tôi nói :” *ồ thật là dại cho các con, còn nhỏ nên há<sup>m</sup> ăn, cũng vì tham ăn mà mất nước và mất tất cả đó con.*”

Có lần khác các con tôi nghỉ học vì cuối tuần, nhà thờ ở xa, chúng tôi chỉ cầu nguyện gia đình cùng với vài tín hữu rồi ra sông làm củi, đánh cá .

Chuyến này tôi lên Sài Gòn với số củi than, song đã bị công an tịch thu cả một nửa và số còn lại thì bán đồ bán tháo nên chẳng được bao nhiêu, mua được ít gạo mắ<sup>m</sup> mang về chẳng may bị Việt Cộng tịch thu và chỉ đem về được vài ba lít, vừa vào đến nhà thì các con mò mắ<sup>m</sup> hỏi han, thì tôi buồn bã trả lời đã bị bại trận và tịch thu tất cả, nhà tôi cũng buồn và có phần lười nhác lại phát cáu kỉnh, tôi vô cùng bức tức và nói bà muốn giống cuộc đời của bà Gióp phải không? Nói xong tôi phát cho mấy cái vả và nói đi theo con đường của Bê-ê-xa-bum đi, đừng lắ<sup>m</sup> lời mà bị đạ<sup>i</sup> nạn.

Thời gian này tôi bớt việc làm than củi và lên Sài Gòn để liên lạc với bà con quen biết, vay mượn tiền bạc để tạo phương tiện và tìm đường vượt biên hầu có được hai chữ tự-do.

Tôi mua một ghe cũ và nhỏ, cố gắng thời gian sửa lại từ từ thành mới, mua máy đuôi tôm, rồi mua máy dầu.

Thời gian gần 1 năm, tôi thuê làm một ghe đánh cá cận sông biển và gắn máy xe 354 (loại xe đò chở khách) tôi nhờ ông Bùi Duy Tâm góp ý về việc tản nhiệt độ của nước nóng thành nước lạnh, tôi trá hành nhiều lần như vậy với Việt Cộng mới lọt khỏi sự đột xuất và theo dõi của họ; vì các loại máy vượt biên phải bằng dầu bạc hoặc xanh nhưng còn tôi thì bằng dầu máy xe hơi. Nên tất cả không ai nghĩ tôi vượt biên chỉ là thứ khùng khạo mà thôi.

Đức Chúa Trời đã dùng sự dồ dại của kẻ theo Ngài để che mắt kẻ gian ác của thế gian, Ngài đã yêu thương kẻ khốn cùng mà nhất ý bước đi thánh ý của Ngài. Thời gian gần 2 năm tôi học hành cùng chiếc ghe này, nhờ Chúa cho tôi sự khôn ngoan và lòng kiên nhẫn để tìm đường thoát thân cho gia đình, tôi sực nhớ 2 câu thơ :

*Bao giờ thằng ngốc làm vua  
Thằng khôn ở đợ, thằng ngu dạy đời*

Sống dưới một chế độ mà con người như cầm điếc, thì tốt hơn tìm cách từ bỏ để ra đi. Tôi nuôi một hoài vọng sẽ thoát khỏi cảnh:

*Củ đậu, nấu đậu  
Đậu ở trong nồi kêu khóc  
Cảnh nồi da xáo thịt*

### **30. Vượt biên 27/5/1979 từ Vũng Tàu**

Chiếc ghe 171<sup>9</sup> dưới sự chở che và an bài của Thượng Đế, cùng tất cả con cháu anh em đồng tâm của chúng tôi, nên chúng tôi đã thành công trong con đường tìm tự-do, sau 6 ngày rời bến Vũng Tàu (phía bãi sau ngày 27-5-1979) tôi mang theo 73 người với một phương tiện thuyền bè quá tầm thường, có lần máy ghe suýt nổ vì quá nóng, dầu vậy Chúa vẫn che chở và dìu dắt vào bờ biển của thành phố nhỏ Miri<sup>10</sup> của Mã Lai ngày 1-6-1979. Tôi mang theo một tình yêu của 60 triệu con tim Việt Nam ngày đêm thao thức và sống trong lo sợ. Tôi để Việt Nam một

<sup>9</sup> số ghe do Cao Ủy Ty Nạn Liên Hiệp Qu ốc qui cho

<sup>10</sup> Miri là một thành phố nhỏ, thuộc bang Sarawak, đảo Borneo, miền đông Malaysia

mảnh đất mà suốt bao ngàn năm bị chinh chiến điêu tàn giữa ngoại xâm và nội chiến. Tôi ao ước có ngày được trở về quê “ mẹ Việt Nam “ thân yêu của mình mà tổ tiên tôi đã gây công xây đắp. Ôi! Việt Nam.

### 31. Vừa mới đến Mã Lai – Miri ngày 1-6-1979

Ngày 1-6-1979: chưa có lệnh nhận người tỵ nạn bằng thuyền!

*Tôi đi trên biển cả, tôi nhìn đại dương gần sóng  
Lòng không nghiêng ngả vì quyết tin rằng  
Thượng Đế hằng sống sẽ dẫn dắt tôi  
Tôi đoạn tuyệt tất cả, lòng vẫn khóc thương  
Ôi tình quê hương nồng thắm, tình Tổ Quốc vấn vương  
Chỉ vì tự do cho hậu tự, tôi phải bước lên đường*

*Nhìn quê hương trong ánh chớp của vầng núi hải đăng  
Ôi Vũng Tàu bùng cháy, ôi đất Việt quay cuồng  
Mẹ Việt Nam đang nghẹn ngào tất tưởi  
Hồn Việt Nam đang thôn thức khóc quê hương  
Tôi ao ước ngày mai được trở lại  
Để đều hư vết tích của chiến thương  
Tôi sẽ làm gì trên đất khách  
Với công đầy dân Việt tha phương*

Tôi sẽ nói làm sao cho mọi người đều biết rằng: “*quê hương tôi, dân tộc tôi đã nhuộm máu quân thù*”.



Figure 22: chiếc ghe vượt biên, 2 cô Hồng Thập Tự, tại Miri - Mã Lai

Tôi cảm ơn anh Phong, anh Hận, Nhiều, Cửa, anh Quý, anh Minh, anh Hóa là những bạn đồng hành chết sống với nhau trên biển cả để đi tìm tự do.

Đúng 3 giờ chiều ngày 1-6-1979 chúng tôi được Chúa dẫn dắt và đặt

chân tại bờ biển của thành phố Miri (làng nhỏ Miri có trại của Hội Đồng Thập Tự đảm trách). Lúc đầu chúng tôi đã gặp nhiều khó khăn do bọn cảnh sát vô lương của Mã Lai, chúng tôi không có tiền và vàng để hối lộ cho chúng.

Vì chưa có lệnh quốc tế cứu vớt người Việt Nam tỵ nạn bằng thuyền, chúng tôi đã bị trục xuất ra khỏi địa phận Miri 10 lần, sắp chết, song Chúa đã giải cứu cách đặc biệt. Chúa đã dùng ông Thị Trưởng đến thăm vùng Miri, ông thành lĩnh đi ngang qua trước nơi mà chúng tôi bị xô đuổi ra, và nhờ các tín hữu Cơ Đốc Giáo cùng Hội Hồng Thập Tự cứu giúp, nên chúng tôi thoát khỏi cảnh bị trục xuất và chết chóc thảm thương tại trại Miri, cảm tạ Chúa!

Mặc dầu chưa có lệnh cứu vớt thuyền nhân trên phương diện quốc tế, ông Thị Trưởng Mã Lai này đã ra lệnh cho chính quyền Mã Lai phải nhận chúng tôi làm người tỵ nạn tại đây. Ông ta ra lệnh chuyển chúng tôi đến trại tỵ nạn Ku Ching<sup>11</sup>.



Figure 23: tại trại tỵ nạn Ku Ching - Mã Lai

của Mã Lai (vì họ thuộc về người Hồi Giáo), tôi cũng chống quyết nhiều cảnh hối lộ, tham nhũng giữa các cơ quan trách nhiệm với bọn tham nhũng xì thần, như ông Cổ Kiến Hoa đã tìm mọi cách chèn ép và cướp dặt quyền lợi của anh em người tỵ nạn. Nhưng Chúa vẫn yêu thương và che chở cho anh em chúng tôi để chúc mừng Chúa Giáng Sinh năm 1979 tại trại tỵ nạn chuyển tiếp Seedang một cách rất trọng thể với hơn 500 người tham gia và có Mục Sư Baptiste người Trung

Chúng tôi tạm trú trại tỵ nạn Ku Ching được 5 tháng thì có lệnh chuyển về trại Seedang gần thành phố Liugabong<sup>12</sup> để được đi định cư tại Thủy Sĩ.

Mặc dù với mọi khó khăn của chính quyền và cảnh sát

<sup>11</sup> Kuching là thủ phủ của bang Sarawak, đảo Borneo, Malaysia. <http://vi.wikipedia.org/wiki/Sarawak>

<sup>12</sup> ngoại ô thủ đô Kuala Lumpur, Malaysia

Hoa và thanh niên của Hội Thánh do ông đảm nhiệm đến tham dự, do đó cũng an ủi cho đồng bào và Hội Thánh còn tá túc tại đây.

Thật chúng tôi đã trả giá quá đắt kể cả nước mắt và máu xương của mình để được hai chữ Tự-do cho hậu tự và mưu cầu dựng nước trong tương lai cho giòng giống Lạc Hồng.

### ***Kêu cứu người tỵ nạn***

*Ai đã trải buồn lo bi đát  
Ai đã từng gói cát nằm sương  
Cảm thương một thị đồng hương  
Màn trời, chiếu đất đi tìm tự do*

*Hãy cất tiếng kêu cứu cho người tỵ nạn  
Mang tình thương nói lại hận thù  
Lá lành đùm bọc lá rách thương nhau  
Nhớ người tỵ nạn cùng nhau nguyện cầu*

*Chúng mình nệm ấm chăn êm  
Nghĩ câu máu chảy ruột mềm thương nhau*

*Mùa đông năm 1979 tại trại tỵ nạn Đông Mã Lai*

### ***Người vượt biển***

*Cha ơi! Thuyền nhân là gì nhỉ ?  
Phải chăng là người đóng gỗ làm ghe  
Là tay đưa trên sông nước ngày hội hè  
Là kẻ lái chiếc đò ngang đưa khách ?*

*Con ơi !  
Thuyền nhân không chơi thể thao trên sông lạch  
Không phải người du lịch ngoài biển khơi  
Họ là người vượt thoát chốn khổ đau  
Bằng thuyền nhỏ trên đại dương sóng cả.*

*Trong lịch sử của ngàn đời nhân loại  
Chưa bao giờ định nghĩa chữ thuyền nhân  
Cho đến ghi hàng triệu người Việt Nam  
Là quê mẹ đi tìm vượt biển.*

*Họ ra đi trong muôn ngàn nguy hiểm  
Giữa ngục tù hải tặc sóng đại dương  
Hàng vạn người giam hãm trong khám đường  
Hàng vạn chết bởi bàn tay cướp biển.*

*Vạn vạn khác, sóng đại dương chôn kín  
Đã vùi thân vào biển lớn Thái Bình  
Kẻ sống còn cơn ác mộng hồi sinh  
Phải tản lạc khắp các vùng trái đất.*

*Cha là một trong thuyền nhân lưu lạc  
Thấy hải hùng chứng kiến cảnh tang thương  
Biết khổ đau trong áp bức ngút ngàn  
Tìm neo sóng giữa muôn vàn lối chết.*

*Cha ý thức giá tự do thật đắt  
Đã trả bằng máu, nước mắt, thời gian  
Cõi tự do quý báu hơn bạc vàng  
Con cố giữ đừng coi thường đánh mất.*

*Xử tự do và giàu sang vật chất  
Vẫn có ngày, mai một với thời gian  
Nghĩa tự do trong ý thức trường tồn  
Là phước hạnh cả thân hồn bên Chúa.*

*Đường tự do trong niềm tin Thượng Đế  
Chúa mở rồi đang mời gọi ta đi  
Con và cha nắm tay nhau cất bước  
Chúa đồng hành ta quyết chẳng sợ chi*

**THANH HUU**

## 32. Định cư tại Thụy Sĩ ngày 10-1-1980 (45 tuổi)



Figure 24: những ngày đầu tiên tại Salvan - Thụy Sĩ

Cảm tạ ơn Chúa, ngày 10-1-1980, gia đình chúng tôi được đến Lausanne, Thụy Sĩ để định cư do Hội Thánh tại Neuchâtel và Lausanne bảo trợ, với sự cầu nguyện và nhiệt thành giúp đỡ lúc đầu của bà Simone Haywood (gia đình tôi, gia đình anh Phong, Nam và Mẫn) được tiếp nhận vào cuộc sống mới và bắt đầu học thêm Pháp Văn để mưu sinh sau này.

### Những giai đoạn đầu tiên buồn chán tại Thụy Sĩ

Những ngày đầu thật chán chường tại Lausanne - Thụy Sĩ với cơ quan xã hội của người tỵ nạn. Ô. Philippe và Mục Sư Renaud cùng Hội Thánh St-Laurent. Nhà tôi phải đi lau chùi bệnh viện, bị đau một tay còn một tay cũng phải làm nếu không sẽ không đủ tiền để sống. Tôi muốn trốn về Việt Nam hoặc đi một nước khác.

### CHUNG NIỀM TÂM SỰ

*Phương trời lưu lạc mấy năm tròn  
Tim nặng buồn đau, hận nước non  
Nhớ đâu phải nhớ, huy hoàng cũ  
Mà nhớ đồng thân xác héo hon  
Cá chậu chim lồng an phận số*

*Tương lai nào dám nghĩ vàng son  
Chát ngát trời xanh hồn tui hổ  
Đêm trắng từng đêm ác mộng hồn  
Lênh đênh nam hải đầy giông tố  
Mồ thảm vùi chôn, vạn ức hồn  
Kẻ tù đất mẹ người xa xứ  
Chung hướng trời cao mắt mỗi mòn*

*Chúa ơi! Xin đừng cơn thanh nộ  
Cửa trời rơi xuống giọt hồng ân  
**Linh Cương thi tập***

*Cảnh nào cảnh chẳng gieo sầu  
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*

## **TÂM TRẠNG LY HƯƠNG**

*Ta đứng giữa quê hương vùng xứ Mã  
Lòng đau thương quặn quại suốt canh thâu  
Ta lắng nghe bao tiếng quốc kêu sầu  
Cùng với tiếng nã nùng của người dân Việt*

*Ta đứng giữa dòng sông dài dãn vắt  
Nhìn đèn pha lấp lánh tại bên kia  
Ta lắng nghe bao tiếng hú của con tàu  
Lòng nhớ mẹ Việt Nam đau khổ*

*Ta đứng giữa đất trời. Người lữ khách  
Nhìn mây bay gió cuốn với sao băng  
Trong đêm nay, có muôn lòng khóc đoạn trường  
Đó là nỗi thôn thức của người xa xứ  
Ta sống giữa cộng đồng người dân Việt  
Nhìn hàng mây rào lưới sắt và kềm gai  
Muốn hát lên để vơi nhẹ cảnh đau lòng  
Nỗi tủ nhục, nỗi thảm sầu của kẻ lưu lạc*

*Ta muốn hỏi núi rừng vùng xứ Mã  
Ta là người hay cây cỏ sống tại đây  
Tại sao thân ta mang kiếp tù đày  
Nguyên nhân ấy bởi đâu mà đến  
Ai có thể hiểu được lòng người khi lưu lạc  
Trong đêm đông gió lạnh tê tái người  
Ta sống đây đang khóc hay đang cười  
Nhìn non nước lòng ta thân chua xót*

*Nhớ quê hương đang nhuộm màu tang tóc  
Nhớ anh em đang sống chốn tù đầy  
Biết làm sao vui nhẹ nỗi đắng cay  
Đang chông chát trên triệu người dân Việt  
Ta thao thức qua canh trường ly biệt  
Ta ngậm nhùi trong kiếp sống...  
Chính ta đây đang sống cảnh tù đầy  
Song mở nước ngày mai trời lại sáng*

*Cùng chung sức với bao người đang sống  
Phương trời xa tại Hải ngoại mênh mông  
Tổ Quốc ơi! Ta sẽ trở lại cùng người  
Để thêu dệt mẹ Việt Nam thêm tươi sáng*

*(kỷ niệm những ngày cầm cố tại trại Kuching Mã Lai năm 1979)*



Figure 25: MS Huân & bà

Giờ đây nằm tại Hải ngoại, với chiếc thân già yếu & và kiếp người ty nạn, tôi cảm thấy xót xa và tủi nhục cho số kiếp của đồng bào mình, hằng ngày cầu xin ân phước và sự thương xót của Thượng Đế hành động qua mọi con tim Việt Nam còn sống trên đất hãy hy sinh và bỏ qua quyền lợi cá nhân, đảng phái, tôn giáo và chủ nghĩa mà hòa hợp, yêu thương, cảm thương và tha tội cho nhau, để có thể góp phần vào công cuộc tái thiết quốc gia Việt Nam trong tương lai, đặc biệt của thế hệ đến.

## **Mẹ gọi con**

*Con đi từ buổi đau thương  
Đêm đêm nghe Quốc thì thầm gọi con  
Tình thâm, sao bằng tình nghĩa nước non  
Chân trời, góc bể Mẹ mong con về*

*Hồn con mang nặng lời thề  
Phong ba nào có tái tê tất lòng  
Máu đào tô thắm nuối sông  
Tất gươm, tất dạ Mẹ mong Mẹ chờ*

*Mùa xuân 1980*



Tôi ao ước và nói với các con tôi tại hải ngoại. Xin Chúa cho chúng ta có cơ hội về Việt Nam thăm và hầu việc Chúa với đồng bào mình để tạ ơn Thiên Chúa vì các ân huệ mà Người đã dành cho những người biết yêu mến và vâng phục Chúa trong mọi nẻo đường.

*Vì củi đậu, nấu đậu, thì đậu trong nồi kêu khóc  
Thà làm dân nước Nam, còn hơn làm quan đất khách.*

*Nhiều điều phủ lấy giá gương  
Người cùng một giống phải thương nhau cùng*

Là một người dân Việt, lưu lạc tại hải ngoại, dù sống trong cảnh nào, tôi cũng không quên dân tộc tôi đang nằm trong cảnh đói khổ, lầm than, bất công và tủi nhục. Đọc và nghiền ngẫm với mắt với lòng qua các lời ca thương của đại tiên tri Giê-rê-mi thời Cựu ước của dân tộc Do Thái. Lòng tôi như đau xót từ đáy của con tim (từ đoạn 1 đến đoạn 5). Tôi đã kêu lớn lên với Thiên Chúa như Êsai rằng:

***Ôi Chúa! Ước gì Ngài xé rách các tầng trời, Ngài ngự xuống và làm rung động các núi đồi trước mặt Ngài. Hỡi Đức Giê Hô Va! Đến nỗi này mà Ngài còn nín lặng được sao? Có lẽ nào Ngài cứ làm thinh và khiến chúng tôi chịu khổ không ngần?***

***Lạy Thượng Đế, xin Ngài cứu vớt & thương xót dân tộc Việt Nam của con, một dân tộc đã chịu bất hạnh gần ngàn năm, như dân tộc Do Thái.***

Mùa Thu tại trại tỵ nạn Ku Ching Mã Lai năm 1979 (viết sao lại)

***Cựu Mục Sư Nguyễn Công Huân<sup>13</sup>***

---

<sup>13</sup> về với Chúa vào ngày 30-5-2009 tại thành phố Lausanne, quốc gia Thụy Sĩ  
Trang 73